**300 CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM GIÁO DỤC CÔNG DÂN 12**

Câu 1. Chính trị xuất hiện khi nào?

a. Khi nhà nước ra đời

b. Khi xã hội có sự phân hóa giàu – nghèo

c. Khi có sự xuất hiện các đảng phái chính trị

d. Khi xã hội có sự phân chia giai cấp

Câu 2. Hoàn thành định nghĩa sau: « Chính trị là khoa học nghiên cứu về mối quan hệ giữa con người, giai cấp, đảng phái, dân tộc trong việc …, …, …. và …..quyền lực chính trị »

a. giành, giữ, tổ chức, thực thi

b. giữ, giành, tổ chức, thực thi

c. đấu tranh, giành thắng lợi, tổ chức chính quyền, thực thi quyền lực

d. đấu tranh giai cấp, giành chính quyền, tổ chức bộ máy, thực thi quyền lực

Câu 3.Trong trường nghề, môn chính trị có mấy chức năng cơ bản ?

a. 2

b. 3

c. 4

d. 5

Câu 4. Chức năng cơ bản của môn học chính trị trong trường nghề là?

a. Giáo dục văn hóa nghệ thuật, chính trị pháp luật

b. Đào tạo và giáo dục phẩm chất đạo đức, tư tưởng tình cảm của người cách mạng

c. Rèn luyện phẩm chất đạo đức, tư tưởng, tình cảm, lối sống

d. Nhận thức khoa học và giáo dục tư tưởng phẩm chất đạo đức, lối sống

Câu 5. Trong lịch sử phát triển các hình thái kinh tế - xã hội, chính trị xuất hiện vào thời kỳ?

a. Nguyên thủy

b. Chiếm hữu nô lệ

c. Phong kiến

d. Tư bản chủ nghĩa

Câu 6. Chức năng chung của môn học chính trị là?

a. Góp phần đào tạo người lao động vừa có đức, vừa có tài

b. Góp phần đào tạo người lao động có kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

c. Góp phần đào tạo người lao động có phẩm chất đạo đức, ý thức kỷ luật trong lao động

d. Góp phần đào tạo người lao động nhận thức đúng về tri thức khoa học chính trị và rèn luyện phẩm chất chính trị phù hợp

Câu 7.Sau khi học xong môn học chính trị người học cần vận dụng kiến thức như thế nào?

a. Để xây dựng đất nước trong thời kỳ CNH, HĐH.

b. Để vững vàng tư tưởng trước các luận điệu xuyên tạc, thủ đoạn chống phá của kẻ thù

c. Để trở thành một công dân tốt, chấp hành chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước

d. Để rèn luyện trở thành người lao động có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức tốt, năng lực công tác

Câu 8. Chủ nghĩa Mác ra đời vào khoảng thế kỷnào ?

a. Thế kỷ XVII

b. Thế kỷ XVIII

c. Thế kỷ XIX

d. Thế kỷ XX

Câu 9. Học thuyết Mác được sáng lập bởi các nhà tư tưởng?

a. C. Mác, Ph.Ăngghen

b.C. Mác, Lênin

c. Hồ Chí Minh, Đặng Tiểu Bình

d. Chu Ân Lai, Khơrútxốp

Câu 10. C. Mác, Ph.Ăngghen đã thống nhất tư tưởng vào năm nào?

a. 1842

b. 1843

c. 1844

d. 1845

Câu 11.C. Mác, Ph. Ăngghen có kiến thức thiên tài trong nhiều lĩnh vực như:

a. Triết học, kinh tế chính trị, toán học, quân sự

b. Văn hóa, lịch sử, hóa học, quân sự

c. Thiên văn, địa lý, y học, âm nhạc

d. Mỹ học, tâm lý học, quan hệ quốc tế

Câu 12. Học thuyết Mác được hình thànhvào giai đoạn nào?

a. 1848-1895

b. 1848-1859

c. 1884-1895

d. 1884-1895

Câu 13. Lênin đã vận dụng và phát triển học thuyết Mác trong giai đoạn nào?

a. 1859-1924

b. 1895-1924

c. 1859-1942

d. 1895-1942

Câu 14. Để nêu cao tính đoàn kết của giai cấp vô sản Lênin đã đề ra khẩu hiệu nào?

a. “Bốn phương vô sản đều là anh em”

b. “Vô sản thế giới và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại”

c. “Vô sản thế giới và nhân dân cần lao đoàn kết lại”

d. “Nhân dân các nước thuộc địa trên thế giới đoàn kết lại”

 Câu 15. Những thành tựu lý luận là nguồn gốc lý luận trực tiếp hình thành chủ nghĩa Mác – Lênin là:

a. Triết học cổ điển Đức, Kinh tế chính trị học Anh, Chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp.

b. Triết học Nga, Kinh tế chính trị học Anh, Chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp.

c. Triết học cổ điển Đức, Kinh tế chính trị học Anh, Chủ nghĩa xã hội khoa học Pháp

d. Triết học cổ điển Ý, Kinh tế chính trị học Pháp, Chủ nghĩa xã hội khoa học Anh

Câu 16. Những thành tựu khoa học tự nhiên là cơ sở khoa học trực tiếp hình thành chủ nghĩa Mác là:

a. Định luật Becnuly, Học thuyết giá trị thặng dư của C. Mác, Thuyết chính danh của Khổng Tử.

b. Học thuyết về sự tiến hóa các loài của Đacuyn, Định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng của Lomoloxop, Thuyết tiến hóa các loài của Svac, Slaydel.

c. Thuyết di truyền của Mendel, Định đề Euclide, Thuyết tiền hóa các loài của Svac, Slaydel.

d. Bộ Tư bản của C. Mác, Định luật bảo toàn chuyển hóa năng lượng của Lomoloxop, Định luật Becnuly.

Câu 17. Các cuộc đấu tranh tiêu biểu của giai cấp công nhân đầu thế kỷ XIX làm tiền đề hình thành chủ nghĩa Mác là?

a. Phong trào công nhân dệt ở Lyon (Pháp), Hiến chương của công nhân Anh, Công nhân dệt ở Xilêđi (Đức).

b. Phong trào công nhân dệt ở Balan, Hiến chương của công nhân Anh, Công nhân dệt ở Áo.

c. Phong trào công nhân dệt ở Paris (Pháp), Hiến chương của công nhân Anh, Công nhân dệt ở Nga.

d . Phong trào công nhân cơ khí ở Pháp, Công nhân luyện kim ở Anh, Công nhân than ở Đức.

Câu 18. Các bộ phận lý luận cấu thành nên chủ nghĩa Mác bao gồm?

a. Triết học, Luật học, Chính trị học

b. Triết học, Kinh tế chính trị học, Chủ nghĩa xã hội khoa học

c. Triết học, Chính trị học, Chủ nghĩa xã hội khoa học

d. Kinh tế học, Chính trị học, Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Câu 19. Nguồn gốc lý luận trực tiếp để triết học Mác ra đời là:

a. Triết học Trung Quốc cổ đại

b. Triết học Hy Lạp – La Mã cổ đại

c. Triết học cổ điển Đức

d. Triết học Tây Âu cổ đại

Câu 20. Nguồn gốc lý luận trực tiếp hình thành kinh tế chính trị Mác là:

a. Kinh tế cổ điển Anh

b. Cách mạng công nghiệp Anh

c. Thuyết trọng nông

d. Thuyết trọng thương

Câu 21. Nguồn gốc lý luận trực tiếp hình thành nên chủ nghĩa xã hội khoa học là:

a. Tư tưởng xã hội chủ nghĩa của Tomazo Campnela

b. Tư tưởng xã hội chủ nghĩa của Gieerrac Uynxtteli

c. Tư tưởng xã hội chủ nghĩa thế kỷ XVIII

d. Chủ nghĩa xã hội không tưởng ở Pháp

Câu 22.Trước khi có học thuyết Mác, phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản đều là:

a. Tự giác

b. Tự phát

c. Thắng lợi

d. Thất bại

Câu 23.Chủ nghĩa xã hội khoa học ra đời từ điều kiện kinh tế - xã hội nào?

a. Sự ra đời chính Đảng của giai cấp công nhân

b. Sự phát triển lớn mạnh của phương thức sản xuất tư bản và sự lớn mạnh của giai cấp công nhân

c. Sự ủng hộ của tầng lớp nông dân và đội ngũ trí thức đối với giai cấp công nhân

d. Giai cấp công nhân đã thực sự giác ngộ về sứ mệnh của giai cấp mình

Câu 24. Sự phát minh và ứng dụng rộng rãi các thành tựu khoa học (cả khoa học lý luận và khoa học tự nhiên) cuối thế kỷ XIX ở Châu Âu đã tác động như thế nào đến chủ nghĩa Mác?

a. Ảnh hưởng sâu sắc

b. Củng cố về hiện thực khách quan

c. Củng cố về lý luận và cơ sở khoa học

d. Tạo ra cơ sở pháp lý và tính khoa học

Câu 25. C. Mác, Ph.Ăngghen có mối quan hệ gắn bó và hiểu biết sâu sắc các phong trào của giai cấp nào?

a. Giai cấp chủ nô

b. Giai cấp phong kiến

c. Giai cấp tư sản

d. Giai cấp công nhân

Câu 26. Định nghĩa “Vật chất là một phạm trù của triết học dùng để chỉ thực tại khách quan, được đem lại cho con người trong cảm giác, được cảm giác chép lại, chụp lại, phản ánh không lệ thuộc vào cảm giác” của nhà tư tưởng nào?

a. V.I.Lênin

b. C. Mác

c. Ph. Ăngghen

d. Hồ Chí Minh

Câu 27. Ph. Ăngghen đã chia vận động của vật chất thành bao nhiêu hình thức cở bản?

a. 3

b. 4

c. 5

d. 6

Câu 28. Theo lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, ý thức được hình thành từ các nguồn gốc?

a. Tự nhiên,lao động và ngôn ngữ

b. Chủ quan và khách quan

c. Kinh tế, văn hóa và xã hôi

d. Gắn với sự hình thành nên loài người

Câu 29. Theo chủ nghĩa Mác – Lênin, mối quan hệ giữa vật chất và ý thức được thể hiện như thế nào?

a. Vật chất có trước, ý thức có sau, vật chất quyết định ý thức. Ý thức có sự tác động trở lại đối với vật chất.

b. Ý thức có trước, vật chất có sau, ý thức quyết định vật chất. Vật chất có sự tác động trở lại đối với ý thức.

c. Vật chất và ý thức cùng ra đời, vật chất quyết định ý thức. Ý thức có sự tác động trở lại đối với vật chất.

d. Vật chất, ý thức cùng ra đời và tồn tại, vật chất và ý thức không có sự quyết định lẫn nhau.

Câu 30. Phép biện chứng duy vật có mấy nguyên lý cơ bản?

a. 2

b. 3

c. 4

d. 5

Câu 31. Phát triển là một khuynh hướng của vận động đối với các sự vật hiện tượng bao gồm :

a. Chỉ đơn thuần tăng lên về khối lượng, trọng lượng, kích cỡ.

b. Là sự biến đổi liên tục không định hình được từ dạng này qua dạng khác

c. Đi từ cao xuống thấp, đi từ hoàn thiện đến hoàn thiện hơn, không có sự phát triển thụt lùi

d. Đi từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn, bao hàm cả sự thụt lùi đi xuống làm tiền đề cho sự phát triển

Câu 32. Quá trình nhận thức của con người trải qua mấy giai đoạn?

a. 1

b. 2

c. 3

d. 4

Câu 33. Quy trình nhận thức của con người trải qua các giai đoạn nào sau đây?

a. Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng

b. Từ nhận thức đến hành động

c. Từ lý luận cho đến thực tiễn kiểm nghiệm

d. Từ nhận thức đơn giản đến phức tạp

Câu 34. Giai đoạn đầu của quá trình nhận thức (nhận thức cảm tính) ở con người, bao gồm:

a. Từ cảm giác đến tri giác và biểu tượng

b. Từ nhận thức trực tiếp hay gián tiếp

c. Từ nhận thức chủ quan đến khách quan

d. Từ nhận thức cái chung đến cái riêng

Câu 35. Giai đoạn sau của quá trình nhận thức (nhận thức lý tính) ở con người, bao gồm:

a. Từ khái niệm đến phán đoán và suy lý

b. Từ quan niệm đến phán đoán và suy lý

c. Từ quan niệm đến suy đoán và duy lý

d. Từ quan niệm đến phán đoán và chân lý

 Câu 36. Theo lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin thì phương thức tồn tại của vật chất là:

a.Vận động

b. Đứng im

c. Khách quan

d. Chủ quan

Câu 37. Phép biện chứng duy vật có những nguyên lý cơ bản là:

a. Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến và nguyên lý về sự phát triển.

b. Nguyên lý về chung và riêng, nguyên lý về xu hướng phát triển.

c. Nguyên lý về sự tồn tại và nguyên lý về sự phát triển

d. Nguyên lý về chủ quan và khách quan và nguyên lý phát triển sự vật, hiện tượng.

Câu 38. Trong các hình thức vận động sau của vật chất thì hình thức vận động nào là cao nhất?

a. Cơ học

b. Hóa học

c. Lý học

d. Xã hội

Câu 39. Theo chủ nghĩa Mác – Lênin, bản chất của ý thức được hình thành như thế nào?

a. Phản ánh thế giới khách quan vào bộ óc người

b. Tính chủ quan củacon người

c. Chủ động, sáng tạo và linh hoạt

d. Phụ thuộc hoàn toàn vào thế giới khách quan

Câu 40. Phản ánh đặc biệt của bộ óc con người với hiện thực khách quan được thể hiện như thế nào?

a. Phản ánh có sự tích cực, chủ động, sáng tạo.

b. Phản ánh có quy trình tự trao đổi thông tin giữa chủ thể và đối tượng có chọn lọc và định hướng, mô hình hóa trong tư duy, hiện thực hóa qua hoạt đông thực tiễn.

c. Cả a,b đều đúng

d. Cả a,b đều sai.

Câu 41. Ý nghĩa phương pháp luận của nguyên lý về mối liên hệ phổ biến là?

a. Có quan điểm toàn diện trong nhìn nhận và đánh giá về sự vật và hiện tượng.

b. Có quan điểm lịch sử trong nhìn nhận và đánh giá về sự vật và hiện tượng.

c. Có quan điểm tương đối trong nhìn nhận và đánh giá về sự vật và hiện tượng.

d. Có quan điểm tuyệt đối trong nhìn nhận và đánh giá về sự vật và hiện tượng.

Câu 42. Nguyên nhân của sự phát triển trong các sự vật hiện tượng là?

a. Do sự tác động từ bên ngoài lên sự vật hiện tượng

b. Do một lực lượng siêu nhiên tác động và chi phối đến sự phát triển

c. Do sự liên hệ tác động qua lại giữa các mặt, các yếu tố bên trong của sự vật hiện tượng

d. Do ý muốn chủ quan của con người khiến sự vật hiện tượng phát triển nhanh hoặc chậm.

Câu 43. Ý nghĩa phương pháp luận của nguyên lý về sự phát triển là?

a. Đòi hỏi xem xét sự vật hiện tượng trong xu hướng vận động, phát triển

b. Hoạt động nhận thức của con người không được bảo thủ, định kiến, nhìn một mặt, một việc một thời điểm.

c. Cả a,b đều đúng

d. Cả a,b đều sai.

Câu 44. Theo Lênin, thuộc tính chung nhất của vật chất là gì?

a. Là một phạm trù triết học

b. Không tồn tại cảm tính, không đồng nhất với vật thể

c. Tồn tại bên ngoài, không lệ thuộc vào cảm giác

d. Luôn chuyển hóa từ dạng này sang dạng khác

Câu 45. Phép biện chứng duy vật có những quy luật cơ bản là:

a. Quy luật mâu thuẫn, quy luật lượng - chất, quy luật phủ định của phủ định

b. Quy luật không mâu thuẫn, quy luật lượng chất, quy luật phủ định của phủ định

c. Quy luật tự nhiên, quy luật xã hội, quy luật phủ định của phủ định.

d. Quy luật cơ bản, quy luật không cơ bản, quy luật đấu tranh giai cấp.

Câu 46. Trong những quy luật của phép biện chứng duy vật, quy luật nào vạch ra nguồn gốc động lực của sự phát triển?

a. Quy luật mâu thuẫn

b. Quy luật lượng chất

c. Quy luật phủ định.

d. Quy luật xã hội.

Câu 47.Trong những quy luật của phép biện chứng duy vật, quy luật nào vạch ra cách thức của sự phát triển?

a. Quy luật mâu thuẫn

b. Quy luật lượng chất

c. Quy luật phủ định

d. Quy luật tự nhiên.

Câu 48. Trong những quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật, quy luật nào vạch ra khuynh hướng của sự phát triển?

a. Quy luật mâu thuẫn

b. Quy luật lượng chất

c. Quy luật phủ định

d. Quy luật chung và riêng.

 Câu 49. Theo lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, nguồn gốc vận động của vật chất là:

a. Tự thân vận động, do mâu thuẫn bên trong quyết định.

b. Mâu thuẫn bên ngoài và mâu thuẫn bên trong quyết định.

c. Do mâu thuẫn bên ngoài và sự tương tác các sự vật quyết định.

d. Do tác nhân bên ngoài tác động và chi phối sự vật hiện tượng.

Câu 50. Theo chủ nghĩa Mác –Lênin, tính thống nhất của thế giới thể hiện ở:

a. Tính vật chất

b. Tính tinh thần

c. Tính đồng đại

d. Tính lịch đại

Câu 51. Hoạt động thực tiễn là hoạt động vật chất của con người tác động vào thế giới khách quan bao gồm những thình thức nào?

a. Hoạt động vật chất, hoạt động tinh thần

b. Hoạt động xã hội, lao động, ngôn ngữ

c. Hoạt động sống, hoạt động văn hóa nghệ thuật, hoạt động chính trị

d. Hoạt động sản xuất vật chất, hoạt động chính trị -xã hội, hoạt động thực nghiệm

Câu 52. Vai trò của thực tiễn đối với hoạt động nhận thức của con người là:

a. Không có sự tác động qua lại lẫn nhau, tồn tại độc lập tách rời.

b. Có ảnh hưởng không nhỏ trong hình thành nhận thức của con người.

c. Là cơ sở, nguồn gốc của nhận thức, động lực, mục đích của nhận thức, tiêu chuẩn của chân lý.

d. Quyết định đến hoạt động nhận thức, về nội dung và hình thức cũng như bản chất của nhận thức.

Câu 53. Chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ rõ động lực của sự phát triển xã hội chính là do nguyên nhân nào?

a. Hoạt động tinh thần

b. “Sản xuất” ra con người

c. Hình thành nên giai cấp

d. Sự phát triển của sản xuất vật chất

Câu 54. Theo học thuyết Mác, bản chất của con người là:

a. Hoàn cảnh xã hội.

b. Nỗ lực của mỗi cá nhân.

c. Tổng hòa các mối quan hệ xã hội.

d. Giáo dục của gia đình, nhà trường và xã hội.

Câu 55. Phương thức sản của một hình thái kinh tế xã hội là gì?

a. Cách thức tiến hành tổ chức sản xuất vật chất

b. Cách thức tổ chức chính trị - xã hội

c. Cách thức tổ chức và hoạt động chính quyền

d. Cách thức tổ chức hoạt động đối nội và đối ngoại

Câu 56. Phương thức sản xuất bao gồm những yếu tố nào sau đây?

a. Lực lượng sản xuất và Quan hệ sản xuất

b. Lực lượng sản xuất và Kiến trúc thượng tầng

c. Cơ sở hạ tầng và Kiến trúc thượng tầng

d. Quan hệ sản xuất và Cơ sở hạ tầng

Câu 57. Sự vận động và phát triển của xã hội bao gồm mấy quy luật cơ bản?

a. 2

b. 3

c. 4

d. 5

Câu 58. Sự vận động và phát triển của xã hội bao gồm quy luật cơ bản là:

a. Quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất

b. Quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng

c. Cả a,b đều đúng

d. Cả a,b đều sai

Câu 59. Lực lượng sản xuất là:

a. Mối quan hệ giữa con người với tư liệu sản xuất trong xã hội

b. Mối quan hệ giữa con người với chủ thể kinh tế trong quan hệ kinh tế

c. Mối quan hệ giữa con người với con người trong quá trình tổ chức sản xuất

d. Mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, thể hiện trình độ chinh phục tự nhiên của con người

Câu 60. Lực lượng sản xuất bao gồm:

a. Tư liệu sản xuất và người lao động

b. Tư liệu sinh hoạt và người lao động

c. Con người và các quan hệ sản xuất

d. Tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng của con người

Câu 61. Quan hệ sản xuất là:

a. Quan hệ giữa con người với lực lượng sản xuất

b. Quan hệ giữa con người với sự phát triển kinh tế xã hội

c. Mối quan hệ giữa con người với con người trong quá trình tổ chức sản xuất

d. Mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, thể hiện trình độ chinh phục tự nhiên của con người

Câu 62. Trong quan hệ sản xuất, yếu tố nào mang tính quyết định nhất ?

a. Quan hệ tổ chức sản xuất

b. Quan hệ quản lý sản xuất

c. Quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất

d. Quan hệ về phân phối sản phẩm lao động

Câu 63. Mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong quy luật phát triển xã hội được thể hiện như thế nào?

a. Lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất, quan hệ sản xuất có sự tác động trở lại đối với lực lượng sản xuất.

b. Quan hệ sản xuất quyết định lực lượng sản xuất, lực lượng sản xuất có sự tác động trở lại đối với lực lượng sản xuất.

c. Lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất, quan hế sản xuất không có sư tác động trở lại đối với lực lượng sản xuất.

d. Lực lượng sản xuất không quyết định quan hệ sản xuất, tồn tại độc lập không có sự quyết định lẫn nhau.

Câu 64. Mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng được thể hiện như thế nào?

a. Cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng, kiến trúc thượng tầng ra đời có sự tác động trở lại đối với cơ sở hạ tầng.

b. Kiến trúc thượng tầng quyết định cơ sở hạ tầng, kiến trúc thượng tầng ra đời có sự tác động trở lại đối với cơ sở hạ tầng.

c. Cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng, kiến trúc thượng tầng ra đời không có sự tác động trở lại đối với cơ sở hạ tầng.

d. Cơ sở hạ tầng không quyết định kiến trúc thượng tầng, kiến trúc thượng tầng và cơ sở hạ tầng không có sự tác động.

Câu 65. Vai trò của một phương thức sản xuất đối với sự phát triển xã hội là:

a. Quyết định sự tổ chức xã hội theo từng thời kỳ lịch sử

b. Quyết định đến sự tồn tại xã hội, là động lực thúc đẩy phát triển hoạt động xã hội

c. Quyết định đến sự phát triển lịch sử xã hội loài người qua các hình thái kinh tế xã hội

d. Quyết định tính chất của xã hội, tổ chức kết cấu của một xã hội, sự chuyển hóa của xã hội loài người qua các giai đoạn lịch sử.

Câu 66.Thực chất của đấu tranh giai cấp trong lịch sử xã hội loài người là?

a. Đấu tranh vì lợi ích kinh tế không thể điều hòa được

b. Đấu tranh vì lợi ích chính trị giữa các tập đoàn người trong xã hội

c. Đấu tranh vì lợi ích văn hóa và tôn giáo các tập đoàn người trong xã hội

d. Đấu tranh giữa các tập đoàn người có lợi ích căn bản đối lập không thể điều hòa được.

Câu 67. Đảng ta chủ trương phát triển lực lượng sản xuất bằng cách:

a. Thực hiện công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với kinh tế tri thức

b. Áp dụng thành tựu khoa học công nghệ vào quá trình sản xuất

c. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường đinh hướng xã hội chủ nghĩa

d. Phát triển kinh tế gắn với thực hiện công bằng xã hội

Câu 68. Đảng ta chủ trương phát triển quan hệ sản xuất bằng cách:

a. Phát triển kinh tế gắn với thực hiện công bằng xã hội

b. Thực hiện công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với kinh tế tri thức

c. Chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường

d. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân

Câu 69.Trong lực lượng sản xuất, yếu tố nào cách mạng nhất?

a. Con người

b. Công cụ lao động

c. Đối tượng lao động

d. Các yếu tố khác tham gia vào quá trình sản xuất

Câu 70. Động lực chủ yếu của tiến bộ xã hội là:

a. Sự phát triển của lực lượng sản xuất

b. Sự phát triển của hoạt động nghiên cứu khoa học, cải tiến kỹ thuật

c. Sự phát triển của các quan hệ quốc tế và hợp tác quốc tế

d. Sự phát triển của con người trong xã hội

Câu 71. Một trong những phát kiến địa lý quan trọng làm cơ sở cho chủ nghĩa thực dân ra đời là:

a. Tìm ra Bắc cực

b. Tìm ra châu Úc

c. Tìm ra châu Mỹ

d. Tìm ra Nam cực

Câu 72. Cách mạng tư sản đầu tiên diễn ra ở đâu?

a. Pháp

b. Anh

c. Hà Lan

d. Mỹ

Câu 73. Lênin đã tổng kết chủ nghĩa đế quốc có mấy đặc trưng cơ bản?

a. 3

b. 4

c. 5

d. 6

Câu 74. Hàng hóa là gì?

a. Là sản phẩm nhằm thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người.

b. Là sản phẩm của kết quả lao động của con người, thông qua trao đổi mua bán.

c. Là sản phẩm trao đổi mua bán.

d. Là sản phẩm của lao động, nhằm thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người, thông qua trao đổi mua bán.

Câu 75. Hàng hóa có mấy thuộc tính?

a. 2

b. 3

c. 4

d. 5

Câu 76. Hàng hóa có thuộc tính cơ bản đó là:

a. Giá trị và giá trị sử dụng

b. Giá trị và giá cả

c. Giá cả và giá trị sử dụng

d. Giá trị, giá trị sử dụng và giá cả.

Câu 77. Theo lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, sức lao động là gì?

a. Là khả năng lao động của con người

b. Là quá trình tái sản xuất sức lao động

c. Là hoạt động lao động vật chất và tinh thần của con người

d. Là tổng thể các năng lực lao động của con người, bao gồm thể lực, trí lực và kinh nghiệm tham gia vào hoạt động sản xuất.

Câu 78. Để sức lao động trở thành hàng hóa cần có mấy điều kiện cơ bản?

a. 2

b. 3

c. 4

d. 5

Câu 79. Khi sức lao động trở thành hàng hóa sức lao động thì hàng hóa sức lao động có mấy thuộc tính cơ bản?

a. 2

b. 3

c. 4

d. 5

Câu 80. Tiền tệ có mấy chức năng cơ bản?

a. 2

b. 3

c. 4

d. 5

Câu 81. Giá trị thặng dư là gì?

a. Là giá trị dôi ra ngoài sức lao động

b. Là giá trị thừa ra trong quá trình lao động sản xuất

c. Là số tiền mà người lao động kiếm được khi hoạt động sản xuất

d. Là lãi suất mà nhà tư bản có được khi buôn gian bán lận

Câu 82. Sản xuất hàng hóa là kiểu sản xuất:

a. Sản phẩm lao động đáp ứng chính nhu cầu của người sản xuất

b. Sản phẩm lao động đáp ứng nhu cầu của người khác, thông qua trao đổi mua bán

c. Cả a, b đều đúng

d. Cả a, b đều sai

Câu 83.Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa phát triển dẫn đến mâu thuẫn xã hội nào cần được giải quyết ?

a. Mâu thuẫn giàu- nghèo trong xã hội

b. Mâu thuẫn giữa các nước tư bản với nhau

c. Mâu thuẫn giữa giai cấp địa chủ phong kiến với giai cấp tư sản

d. Mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản

Câu 84. Điều kiện nào để sản xuất hàng hóa ra đời?

a. Có sự phân công lao động xã hội

b. Có chế độ tư hữu hay hình thức sỡ hữu khác nhau về tư liệu sản xuất

c. Cả a,b đều đúng

d. Cả a,b đều sai

Câu 85. Quy luật kinh tế cơ bản của sản xuất hàng hóa là?

a. Quy luật cạnh tranh

b. Quy luật giá trị

c. Quy luật giá cả

c. Quy luật cung cầu

Câu 86. Điều kiện để sức lao động trở thành hàng hóa sức lao động?

a. Con người được tự do đem bán sức lao động của mình như một hàng hóa

b. Họ không có tư liệu sản xuất muốn sống phải bán sức lao động cho nhà tư bản

c. Do nhu cầu sử dụng sức lao động của nhà tư bản vào sản xuất.

d. Con người được tự do về than thể và không có tư liệu sản xuất.

Câu 87. Vai trò của sản xuất hàng hóa đối với xã hội là?

a. Thúc đẩy khoa học công nghệ

b. Thúc đẩy cải tiến kỹ thuật

c. Thúc đẩy quá trình tư bản hóa

d. Thúc đẩy cải tiến chất lượng cuộc sống người lao động

Câu 88. Bản chất của chủ nghĩa đế quốc được thể hiện ở yếu tố nào sau đây?

a. Tập trung sản xuất và ra đời các tổ chức độc quyền, hình thành tư bản tài chính, xuất khẩu tư bản và đầu tư ra nước ngoài, sự phân chia thị trường thế giới giữa các tổ chức độc quyền, phân chia lãnh thổ thế giới giữa các cường quốc đế quốc.

b. Cạnh tranh gay gắt và ra đời các tổ chức độc quyên, hình thành tư bản tài chính, xuất khẩu tư bản và đầu tư ra nước ngoài, sự phân chia thị trường thế giới giữa các tổ chức độc quyền, phân chia lãnh thổ thế giới giữa các cường quốc đế quốc.

c. Hình thành chủ nghĩa đế quốc, hình thành tư bản tài chính, xuất khẩu tư bản và đầu tư ra nước ngoài, sự phân chia thị trường thế giới giữa các tổ chức độc quyền, phân chia lãnh thổ thế giới giữa các cường quốc đế quốc.

d. Mâu thuẫn không điều hòa được giữa các đế quốc, hình thành tư bản tài chính, xuất khẩu tư bản và đầu tư ra nước ngoài, sự phân chia thị trường thế giới giữa các tổ chức độc quyền, phân chia lãnh thổ thế giới giữa các cường quốc đế quốc.

Câu 89. Để tích lũy nguyên thủy tư bản, chủ nghĩa tư bản đã dùng thủ đoạn nào?

a. Xuất khẩu tư bản.

b. Đi xâm lược các vùng đất mới

c. Tăng vốn đầu tư, mở rộng sản xuất

d. Dùng bạo lực tàn khốc, dã man, tước đoạt, cướp bóc, tăng thuế

Câu 90. Trong kinh tế, phương thức sản xuất hàng hóa phát triển mạnh nhất trong hình thái kinh tế - xã hội nào?

a. Cộng sản nguyên thủy

b. Chiếm hữu nô lệ

c. Phong kiến

d. Tư bản chủ nghĩa

Câu 91. Giai đoạn nào nền đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa được hình thành và phát triển mạnh tại nhiều nước ở châu Âu?

a. Từ nửa sau thế kỷ XVI đến giữa thế kỷ XVII

b. Từ nửa sau thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XVIII

c. Từ nửa sau thế kỷ XVIII đến giữa thế kỷ XIX

d. Từ nửa sau thế kỷ XIX đến giữa thế kỷ XX

Câu 92. Trong kinh tế chính trị Mác, học thuyết nào sau đây được gọi là hòn đá tảng?

a. Học thuyết tái sản xuất sức lao động

b. Học thuyết giá trị thặng dư

c. Học thuyết tích lũy tư bản

d. Học thuyết giá trị lao động

Câu 93. Quá trình sản xuất là sự kết hợp giữa các yếu tố:

a. Sức lao động với đối tượng lao động

b. Sức lao động với tư liệu lao động

c. Đối tượng lao động với tư liệu lao động

d. Sức lao động, tư liệu lao động và đối tượng lao động

Câu 94. Trong tư liệu lao động, bộ phận nào quyết định đến năng suất lao động?

a. Công cụ lao động

b. Nguyên vật liệu

c. Cơ sở hạ tầng

d. Dụng cụ bảo quản

Câu 95. Trong nền sản xuất lớn hiện đại, yếu tố nào giữ vai trò quyết định trong quá trình sản xuất?

a. Công cụ lao động

b. Sức lao động

c. Đối tượng lao động

d. Khoa học công nghệ

Câu 96. Trong các khâu của quá trình sản xuất, khâu nào giữ vai trò quyết định?

a. Sản xuất

b. Tiêu dùng

c. Trao đổi

d. Phân phối

Câu 97. Trong các khâu của quá trình sản xuất, khâu nào là mục đích và động lực của quá trình sản xuất?

a. Sản xuất

b. Tiêu dùng

c. Trao đổi

d. Phân phối

Câu 98. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam bắt đầu từ khi nào?

a. 1930

b.1945

c. 1954

d. 1975

Câu 99. Thời kỳ quá độ ở nước ta được diễn ra trong cả nước bắt đầu từ khi nào?

a. 1930

b.1945

c. 1954

d. 1975

Câu 100. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ra đời vào thời gian nào?

a. 1986

b. 1991

c. 1996

d. 2011

Câu 101. Theo Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xã hội xã hội chủ nghĩa ở nước ta có mấy đặc trưng cơ bản?

a. 4

b. 5

c. 6

d. 7

Câu 102. Theo Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Đảng ta đã xác định mấy phương hướng để xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa?

a. 5

b. 6

c. 7

d. 8

Câu 103. Theo Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X (2006), xã hội xã hội chủ nghĩa ở nước ta có mấy đặc trưng cơ bản?

a. 5

b. 6

c. 7

d. 8

Câu 104. Ai là người đề ra khả năng quá độ lên chủ nghĩa xã hội?

a. C. Mác

b. Ph. Angghen

c. V.I. Lênin

d. Hồ Chí Minh

Câu 105. C.Mác và Ph. Angghen đã chia chủ nghĩa cộng sản thành mấy giai đoạn phát triển?

a. 2

b. 3

c. 4

d. 5 Câu 106. Lênin đã áp dụng thành công lý luận chủ nghĩa Mác – Lênin vào hiện thực về chủ nghĩa xã hội ở nước nào?

a. Anh

b. Pháp

c. Mỹ

d. Nga

Câu 107. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được tính từ khi?

a. Công xã Paris 1871

b. Cách mạng tháng Mười Nga 1917

c. Sau chiến tranh thế giới thứ nhất

d. Sau chiến tranh thế giới thứ hai

Câu 108. Giai đoạn nào chủ nghĩa xã hội hiện thực trên thế giới lâm vào trì trệ khủng hoảng?

a. Từ cuối thập kỷ 50 đến đầu thập niên 60 của thế kỷ XX

b. Từ cuối thập kỷ 60 đến đầu thập niên 70 của thế kỷ XX

c. Từ cuối thập kỷ 70 đến đầu thập niên 80 của thế kỷ XX

d. Từ cuối thập kỷ 90 của thế kỷ XX

Câu 109. Giai đoạn nào chủ nghĩa xã hội hiện thực trên thế giới sụp đổ?

a. Từ cuối thập kỷ 50 đến đầu thập niên 60 của thế kỷ XX

b. Từ cuối thập kỷ 60 đến đầu thập niên 70 của thế kỷ XX

c. Từ cuối thập kỷ 70 đến đầu thập niên 80 của thế kỷ XX

d. Từ cuối thập kỷ 90 của thế kỷ XX

Câu 110. Đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội là:

a. Đây là giai đoạn thấp, mới thoát thai từ xã hội cũ vì vậy còn nhiều tàn dư trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

b. Đây là giai đoạn cao, các lĩnh vực của đời sống xã hội đang phát triển ở trình độ cao.

c. Đây là giai đoạn trung bình, chưa thoát thai từ xã hội cũ vì vậy còn nhiều tàn dư của xã hội trên rất nhiều lĩnh vực.

d. Đây là giai đoạn thấp, giai đoạn chưa phát triển nên còn nhiều tàn dư của xã hội trên rất nhiều lĩnh vực.

Câu 111. Hãy điền cụm từ còn thiếu trong đoạn văn sau: “Lịch sử xã hội loài người phát triển tuần tự qua các hình thái kinh tế - xã hội, từ cộng sản nguyên thủy lên cộng sản chủ nghĩa là một quá trình …”

a. Tất nhiên diễn ra

b. Tất yếu sẽ diễn ra

c. Sẽ không diễn ra

d. Nhất định diễn ra

Câu 112. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội có thể diễn ra theo con đường nào?

a. Quá độ trực tiếp từ xã hội cũ lên xã hội mới.

b. Quá độ trực tiếp hoặc gián tiếp qua nhiều bước trung gian.

c. Quá độ khách quan hoặc chủ quan qua nhiều bước trung gian.

d. Quá độ gián tiếp từ nhà nước phong kiến sang nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 113. Đặc điểm lớn nhất của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là:

a. Năng suất lao động thấp.

b. Lực lượng sản xuất chưa phát triển.

c. Nhiều thành phần xã hội đan xen tồn tại.

d. Từ một nền sản xuất nhỏ là phổ biến quá độ lên CNXH không qua chế độ TBCN.

Câu 114. Dựa trên sáng kiến vĩ đại nào để C.Mác và Ph. Engel luận giải một cách khoa học về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân?

a. Thuyết tiến hóa các loài của Đacuyn

b. Chủ nghĩa duy vật lịch sử và học thuyết giá trị thặng dư

c. Kinh tế học chính trị cổ điển Anh

d.Chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp

Câu 115. Khi nói: “Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua tư bản chủ nghĩa” là bỏ qua yếu tố nào?

a. Bỏ qua các yếu tố kinh tế gắn với chủ nghĩa tư bản

b. Bỏ qua việc xác lập của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa

c. Bỏ qua các yếu tố chính trị gắn với sự phát triển của tư bản chủ nghĩa

d. Bỏ qua các yếu tố văn hóa gắn với sự phát triển của tư bản chủ nghĩa

Câu 116. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là:

a. Là thời kỳ cải biến cách mạng sâu sắc trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội từ xã hội cũ sang xã hội mới.

b. Là thời kỳ cách mạng lâu dài, khó khăn và phức tạp đi từ xã hội cũ sang xã hội mới.

c. Là một thời kỳ cách mạng xã hội chủ nghĩa từ xã hội cũ sang xã hội mới.

d. Là một thời kỳ đấu tranh cách mạng từ xã hội cũ sang xã hội mới.

Câu 117. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt giữa:

a. Một bên là giai cấp nông nhân và nhân dân lao động vừa giành được chính quyền nhà nước với một bên là giai cấp bóc lột và các thế lực phản động mới bị đánh đổ.

b. Một bên là giai cấp công nhân và nhân dân lao động vừa giành được chính quyền nhà nước với một bên là giai cấp bóc lột và các thế lực phản động mới bị đánh đổ.

c. Một bên là giai cấp tiểu tư sản và nhân dân lao động vừa giành được chính quyền nhà nước với một bên là giai cấp bóc lột và các thế lực phản động mới bị đánh đổ.

d. Một bên là giai cấp tư sản và nhân dân lao động vừa giành được chính quyền nhà nước với một bên là giai cấp bóc lột và các thế lực phản động mới bị đánh đổ.

Câu 118: Di cốt và công cụ cổ xưa ở những địa danh: Võ Nhai (Lạng sơn ), núi Đọ (Thanh hoá), Thẩm Ồn (Nghệ An ), Xuân Lộc (Đồng nai ) được nêu lên nhằm giải thích điều gì sau đây:

A. Cư dân Cổ Việt Nam không phải di cư từ nơi khác đến mà có nguồn gốc bản địa từ rất sớm. Việt Nam là một trong những địa chỉ trên thế giới xuất hiện con người.

B. Cư dân Cổ Việt Nam sống chủ yếu là ở miền Trung Việt Nam bây giờ, đặc biệt là các tỉnh Nam Trung bộ.

C. Cư dân Cổ Việt Nam sống dải khắp miền của tổ quốc.

D. Cư dân Cổ Việt Nam có nguồn gốc từ Phương Bắc.

Câu 119: Văn hóa Đông Sơn là nền văn hóa đại diện cho Nhà nước nào sau đây:

A. Nhà nước Đại Việt.

B. Nhà nước Chămpa Cổ.

C. Vương quốc Phù Nam.

D. Nhà nước Văn Lang – Âu Lạc.

Câu 120: Hãy lựa chọn phương án hợp lý nhất trong các phương án sau:

A. Nhà nước Văn Lang – Âu Lạc với nền văn hóa Đông Sơn; Nhà nước Chăm Pa Cổ với nền văn hóa Ốc Eo; Vương Quốc Phù Nam với nền văn hóa Sa Huỳnh.

B. Nhà nước Văn Lang – Âu Lạc với nền văn hóa Sa Huỳnh; Nhà nước Chăm Pa Cổ với nền văn hóa Đông Sơn; Vương Quốc Phù Nam với nền văn hóa Ốc Eo.

C. Nhà nước Văn Lang – Âu Lạc với nền văn hóa Đông Sơn; Nhà nước Chăm Pa Cổ với nền văn hóa Sa Huỳnh; Vương Quốc Phù Nam với nền văn hóa Ốc Eo.

D. Nhà nước Văn Lang – Âu Lạc với nền văn hóa Ốc Eo; Nhà nước Chăm Pa Cổ với nền văn hóa Ốc Eo; Vương Quốc Phù Nam với nền văn hóa Đông Sơn.

Câu 121: Trong các phương án sau, đâu là quan điểm của Đảng ta về vấn đề dân tộc:

A. Ngày nay vấn đề dân tộc là vấn đề có tính thời sự quốc tế sâu sắc, hiểu rõ vị trí của vấn đề dân tộc các thế lực phản động sử dụng vấn đề dân tộc là một công cụ để kích động, chia rẽ, gây rối và can thiệp vào công việc của các nước.

B. Các dân tộc trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giúp đỡ nhau cùng phát triển, cùng nhau phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, xây dựng và bảo vệ vững chắc tổ quốc, kiên quyết chống mọi âm mưu chia rẽ.

C. Các dân tộc trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam cần tăng cường học hỏi, giao lưu với nhau. Đồng thời cần tích cực phê bình nhau để thấy được mặt mạnh mà phát huy và mặt hạn chế để loại bỏ, từ đó tạo ra sức mạnh của toàn thể dân tộc Việt Nam, đập tan mọi âm mưa của kẻ thù bên trong và bên ngoài.

D. Muốn bảo vệ dân tộc ta thì chúng ta phải hiểu biết sâu sắc về dân tộc ta, đặc biệt là phải hiểu biết về lịch sử của dân tộc, mà trước hết là lịch sử chống giặc ngoại xâm, chống các thế lực tay sai phản động trong và ngoài nước.

Câu 122: Dân tộc ta đã phải trải qua hơn 12 thế kỷ chống chiến tranh xâm lược bảo vệ tổ quốc, trong số các thế lực ngoại bang, chống thế lực nào lâu dài nhất?

A. Quân Nam Hán.

B. Quân Thanh.

C. Quân Pháp.

D. Quân Mỹ.

Câu 123: Một trong những nhiệm vụ mà Đảng ta xác định đối với vấn đề dân tộc đó là:

A. Tăng cường nghiên cứu và khai thác có hiệu quả các tài nguyên khoáng sản ở những nơi sinh sống của đồng bào các dân tộc thiểu số.

B. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân.

C. Xây dựng cơ sở hạ tầng, kiến trúc thượng tầng tốt đối với các dân tộc ít người.

D. Kiện toàn chính sách xã hội, con người đối với dân tộc thiểu số.

Câu 124: Chế độ phong kiến trung ương tập quyền đạt đến độ hoàn thiện trong lịch sử Việt Nam thuộc triều đại nào?

A. Nhà Trần.

B. Nhà Hồ.

C. Nhà Lê.

D. Nhà Nguyễn.

Câu 125: Nhà nước Việt Nam đầu tiên ra đời vì:

A. Mâu thuẫn giai cấp, xã hội.

B. Chống giặc ngoại xâm và thiên tai.

C. Mục tiêu xã hội chủ nghĩa và chủ nghĩa cộng sản.

D. Cả A, B và c đều đúng.

Câu 126: Việc đắp đê trị thủy trong lịch sử dựng nước của nhân dân Việt Nam đã góp phần trực tiếp hình thành nên truyền thống tốt đẹp cơ bản nào sau đây:

A.Truyền thống kiên cường bất khuất.

B. Truyền thống nhân nghĩa.

C. Truyền thống đoàn kết.

D. Truyền thống cần cù.

Câu 127: Truyền thuyết “Con Rồng Cháu Tiên” khẳng định điều gì?

A. Cội nguồn của tình yêu thương, gắn bó, chia ngọt sẻ bùi, đồng cam cộng khổ trong cuộc đấu tranh sinh tồn chống lại kẻ thù.

B. Nguồn gốc của con người Việt Nam.

C. Sự phân tán về dân số thời Cổ xưa.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu 128: Các dân tộc ở Việt Nam có trình độ phát triển kinh tế - xã hội:

A. Giống nhau.

B. Khác biệt nhau.

C. Không đều nhau.

D. Tương đối giống nhau.

Câu 129: Yếu tố nào tạo nên sự cố kết trong cộng đồng dân tộc Việt Nam?

A. Nhu cầu lao động sản xuất, chiến đấu dựng xây đất nước.

B. Nhu cầu chống giặc ngoại xâm.

C. Nhu cầu bảo tồn văn hóa.

D. Nhu cầu đa dân tộc.

Câu 130: Yếu tố nào tạo nên cốt lõi văn hóa, là cội nguồn của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam?

A. Sự gắn bó miền ngược với miền xuôi, miền núi với hải đảo hòa quyện với nhau.

B. Sự gắn bó giữa các dân tộc trong cùng một nước hòa quyện với nhau.

C. Sự gắn bó giữa Bắc – Trung – Nam hòa quyện với nhau.

D. Sự gắn bó làng, xóm; nước và nhà hoà quyện với nhau.

Câu 131:Nhà nước Việt Nam đầu tiên ra đời vì lý do gì?

A.Vì mâu thuẫn giai cấp, xã hội.

B. Vì mâu thuẫn về lợi ích kinh tế.

C. Vì nhu cầu xây dựng đất nước và chống giặc ngoại xâm.

D. Vì nhu cầu xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Câu 132: Trong lịch sử, Việt Nam luôn là mục tiêu nhòm ngó của các thế lực từ bên ngoài xâm lược lớn hơn mình rất nhiều lần, nguyên nhân từ yếu tố nào?

A. Tiềm năng con người.

B. Tiềm năng vị trí địa lý.

C. Tiềm năng kinh tế.

D. Tiềm năng quân sự.

Câu 133: Văn hóa Việt Nam là nền văn hóa biểu hiện:

A. Sự tổng hoà của các tiểu vùng văn hóa khác nhau, tạo nên sự thống nhất trong đa dạng.

B. Sự tổng hòa của các nét văn hóa dân tộc thiểu số gộp lại, tạo nên sự thống nhất trong đa dạng.

C. Sự tổng hòa của các bản sắc văn hóa các dân tộc ít người kết hợp lại, tạo nên tính đa dạng và phong phú.

D. Sự tổng hòa của các bản sắc văn hóa Bắc – Trung – Nam kết hợp lại, tạo nên tính đặc thù, đa dạng, phong phú.

Câu 134: Đoạn trích sau trong Tuyên ngôn độc lập: “Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”. Đoạn trích đó nói lên truyền thống tốt đẹp cơ bản nào của dân tộc Việt Nam?

A.Truyền thống đánh giặc giữ nước.

B. Truyền thống đoàn kết nhân nghĩa.

C. Truyền thống lao động cần cù thông minh sáng tạo.

D. Truyền thống yêu nước, tinh thần độc lập tự chủ, ý chí kiên cường bất khuất.

Câu 135: Phương án nào sau đây KHÔNG đúng?

A. Với người Việt Nam, lao động là truyền thống nổi bật với sắc thái riêng.

B. Cần cù vốn là bản chất của người lao động và là truyền thống riêng biệt của dân tộc Việt Nam.

C. Lao động sáng tạo với tinh thần lạc quan yêu đời là một nét đặc sắc thể hiện bản lĩnh, trí tuệ của tâm hồn Việt Nam.

D. Người Việt Nam sinh ra trên một địa bàn đất đai nhỏ hẹp, thiên nhiên khắc nghiệt, luôn bị ngoại xâm đe doạ nên ngay từ rất sớm, bản năng và ý thức rèn luyện cho mình những đức tính quý báu như kiên nhẫn, cần cù, chăm chỉ trong lao động; thanh bạch giản dị tiết kiệm trong lối sống.

Câu 136: Những bài học kinh nghiệm sau: “lấy nhỏ thắng lớn”, “lấy ít địch nhiều”, “lấy yếu chống mạnh”, “lấy chất lượng cao thắng số lượng đông” thể hiện điều gì:

A. Truyền thống đoàn kết.

B. Truyền thống lao động cần cù.

C. Truyền thống chống giặc ngoại xâm.

D.Truyền thống kiên cường bât khuất, độc lập tự chủ. Câu 137: Vùng biển của Việt Nam chiếm diện tích khoảng 1.000.000 km2, bờ biển trải dài 3260 km, nằm dọc biển Đông của Thái Bình Dương. Các vùng núi và biển này chứa nhiều nguồn tài nguyên và khoáng sản đa dạng phong phú, trong đó:

A. Có trữ lượng dầu mỏ vô cùng dồi dào và quan trọng cho phát triển kinh tế.

B. Có trữ lượng hải sản hàng đầu thế giới, tạo thu hút đầu tư khai thác của các nước phát triển.

C. Có trữ lượng San hô lớn, phục vụ dịch vụ du lịch và kinh doanh biển hàng đầu Châu Á – Thái Bình Dương.

D. Có trữ lượng muối lớn nhất thế giới, phục vụ ngành công nghiệp chế biến nông sản trong nước và xuất khẩu quốc tế.

Câu 138: Khoảng cách từ Đông sang Tây của nước ta, chỗ hẹp nhất là 50 km, thuộc về tỉnh nào sau đây:

A.Nghệ An.

B. Hà Tĩnh.

C. Quảng Bình.

D. Quảng Trị.

Câu 139: Đỉnh núi cao nhất ở Việt Nam có chiều cao là 3.143 m. Đây là chiều cao của núi:

A. Fan Si Pan.

B. Núi bà Đen.

C. Pu Xai Lai Leng.

D. Bạch Mộc Lương Tử.

Câu 140: Sông Mê kông (Cửu Long) dài 4.220 km trong đó, đoạn chảy trên lãnh thổ Việt Nam là:

A. 200 km.

B. 220 km.

C. 240 km.

D. 260 km.

Câu 141: Trống đồng Đông Sơn được tìm thấy ở:

A. Thanh Hóa.

B. Các tỉnh Bắc Trung bộ.

C. Các tỉnh Bắc Trung bộ và Bắc bộ.

D. Tập trung ở Bắc trung bộ, Bắc bộ và dải dác một số tỉnh trên cả nước.

Câu 142: Sa Huỳnh là một địa danh thuộc địa phận:

A. Tỉnh Quảng Ngãi.

B. Tỉnh Quảng Nam.

C. Tỉnh Phú Yên.

D. Tỉnh Bình Định.

Câu 143: Óc Eo là tên gọi do nhà khảo cổ học người PhápLouis Malleret đề nghị đặt cho một địa điểm nằm ở phía nam tỉnh nào?

A. Kiên Giang.

B. An Giang.

C. Long An.

D. Vĩnh Long.

Câu 144: Táng thức chủ đạo là mộ chum, đây là thể hiện của nền văn hóa nào?

A. Văn Lang – Âu Lạc.

B. Sa Huỳnh.

C. Đồng Đậu.

D. Ốc Eo.

Câu 145: Địa hình Việt Nam có hình chữ S nằm ở phía đông bán đảo Đông Dương, giữa vùng Đông Nam á, phía Bắc giáp Trung Quốc, phía Tây giáp Lào và Campuchia, phía Đông và Nam giáp biển, các điều kiện này có khó khăn gì đối với chính trị?

A. Dễ bị các thế lực thù địch chia rẽ các miền trong cả nước.

B. Dễ sảy ra xung đột lãnh thổ với các nước láng giềng.

C. Phân tán về đầu tư phát triển đất nước.

D. Có nền ngoại giao phức tạp.

Câu 146: Vùng biển của Việt Nam chiếm diện tích khoảng 1.000.000 km2, bờ biển trải dài 3260 km, nằm dọc biển Đông của Thái Bình Dương. Các vùng núi và biển này chứa nhiều nguồn tài nguyên và khoáng sản đa dạng phong phú, chính từ tiềm năng này đã kéo theo:

A. Tranh chấp lãnh hải.

B. Ra đời luật Biển của Việt Nam.

C. Tham vọng của nhiều nước phát triển trên thế giới.

D. Đụng độ, gây hấn của một số nước tuyên bố chủ quyền trong Biển Đông.

Câu 147: Thực dân Pháp xâm lược Việt Nam lần thứ hai vào năm nào?

A. 1858.

B. 1930.

C. 1945.

D. 1954.

Câu 148: “Khi mâu thuẫn với Pháp và phong kiến có ý thức dân tộc và dân chủ; nhưng do lo sợ bị cách mạng đánh đổ họ thường dao động ngả nghiêng, dễ cải lương, thoả hiệp”. Đây là quan điểm nhằm chỉ giai cấp, tầng lớp nào?

A. Nông dân.

B. Tiểu tư sản.

C. Công nhân

D. Tư sản Việt Nam.

Câu 149: “Ra đời trong quá trình khai thác thuộc địa lần I của Pháp; sau chiến tranh thế giới thứ nhất phát triển rất nhanh. Tuy ít về số lượng, ra đời muộn so với giai cấp công nhân châu Âu, đời sống gắn với sản xuất công nghiệp, họ là đại biểu của phương thức sản xuất tiên tiến nhất”.Đây là quan điểm nhằm chỉ giai cấp, tầng lớp nào?

A. Nông dân.

B. Tiểu tư sản.

C. Công nhân

D. Tư sản Việt Nam.

Câu 150: Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ II của thực dân Pháp ở Việt Nam diễn ra vào thời gian nào?

A. 1858 - 1914.

B. 1914 - 1919.

C. 1919 - 1929.

D. 1930 - 1945.

Câu 151: “Đảng Cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành quyền lợi của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, theo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Mọi tổ chức của Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật”. Đoạn trích trên được trích tại điều mấy của Hiến pháp Việt Nam?

A. Điều 1.

B. Điều 2.

C. Điều 3.

D. Điều 4.

Câu 152: Tinh thần “Khai dân trí, chấn dân trí, hậu dân sinh” là tinh thần của phong trào cách mạng nào trong lịch sử Việt Nam?

A. Phong trào Duy tân.

B. Phong trào Cần Vương.

C. Phong trào nông dân Yên thế.

D. Phong trào Việt nam quốc dân Đảng.

Câu 153: “Tiền đồ cách mạng Việt Nam đen tối như không có đường ra” là câu nói của ai?

A. Vua Hàm Nghi.

B. Phan Bội Châu.

C. Phan Chu Trinh.

D. Hồ Chí Minh.

Câu 154: Hồ Chí Minh đọc bản “Sơ thảo lần thứ nhất Luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa” vào thời gian nào?

A. Tháng 5 năm 1920.

B. Tháng 6 năm 1920.

C. Tháng 7 năm 1920.

D. Tháng 8 năm 1920.

Câu 155: “Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”. Đó là đoạn trích thuộc:

A. Trích Di chúc Hồ Chí Minh.

B. Trích Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

C. Trích Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 11 của Đảng Cộng Sản Việt Nam.

D. Trích lời phát động Cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương và phong cách Hồ Chí Minh” của Bộ chính trị.

Câu 156: Cách mạng tháng 8 năm 1945 là kết quả của bao nhiêu năm đấu tranh anh dũng của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng?

A. Của 10 năm lãnh đạo.

B. Của 15 năm lãnh đạo.

C. Của 20 năm lãnh đạo.

D. Của 25 năm lãnh đạo.

Câu 157: Phương án nào sau đây mô tả xã hội Việt Nam trước khi có Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời?

A. Từ một quốc gia phong kiến độc lập trở thành một nước thuộc địa nửa phong kiến; dân ta từ chỗ tự do, trở thành nô lệ.

B. Từ một quốc gia phong kiến địa chủ trở thành một nước thuộc địa phong kiến; dân ta từ chỗ tự do, trở thành người dân mất nước.

C. Từ một quốc gia phong kiến tự chủ trở thành một nước thuộc địa nửa phong kiến; dân ta từ chỗ tự do, trở thành những kẻ bị nô dịch.

D. Từ một quốc gia phong kiến truyền thống trở thành một nước thuộc địa bán phong kiến; dân ta từ chỗ tự do, từ chỗ tự chủ trở thành nô lệ, những kẻ làm thuê, bị nô dịch.

Câu 158: Tiểu thương, tiểu chủ, công chức, trí thức, học sinh, sinh viên là lực lượng thuộc:

A. Giai cấp tư sản Việt Nam.

B. Giai cấp nông dân Việt Nam.

C. Tầng lớp tiểu tư sản Việt Nam.

D. Giai cấp công nhân Việt Nam.

Câu 159: Pháp xâm lược Việt Nam, xã hội Việt Nam tồn tại nhiều mâu thuẫn, nhưng nổi lên 2 mâu thuẫn: Giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp; Giữa nhân dân Việt Nam (chủ yếu là nông dân) với địa chủ phong kiến. Hai mâu thuẫn này được gọi là:

A. Mâu thuẫn chủ yếu.

B. Mâu thuẫn cơ bản.

C. Mâu thuẫn không chủ yếu.

D. Mâu thuẫn không cơ bản.

Câu 160: Trong quá trình phát triển, Đảng ta đã qua nhiều lần đổi tên. Vậy, Đảng ta mang tên: Đảng lao động Việt Nam vào thời gian nào?

A. Tháng 02/1930.

B. Tháng 10/1930.

C. Tháng 02/1951.

D. Tháng 12/1976.

Câu 161: Đảng ta đã lãnh đạo đất nước giành được nhiều thắng lợi, rút ra nhiều bài học kinh nghiệm. Trong các phương án sau, đâu là bài học kinh nghiệm của Đảng ta?

A.Cách mạng là sự nghiệp của dân, do dân và vì dân.

B. Cách mạng là sự nghiệp của quân đội nhân dân, công an nhân dân.

C. Cách mạng là sự nghiệp của Đảng, của chính phủ, của các cấp lãnh đạo đất nước.

D. Cách mạng là sự nghiệp của giai cấp công nhân, dưới sự lãnh đạo của chính phủ, của trung ương.

Câu 162: Phương án nào sau đây KHÔNG đúng về chế độ phong kiến Việt Nam cuối thế kỷ XVIII đến giữa thế kỷ XIX?

A. Từng bước đầu hàng và làm tay sai cho Pháp.

B. Đã rơi vào khủng hoảng nghiêm trọng, không còn đảm đương được vai trò giữ nước.

C. Câu kết và dựa vào Pháp đàn áp, nô dịch, bóc lột và tước đoạt dân nghèo, nhất là nông dân.

D. Từng bước thiết lập nên những chính sách mới nhằm phối hợp, đoàn kết nhân dân chống lại thực dân Pháp.

Câu 163: Lý do nào khẳng định giai cấp nông dân không thể dựng ngọn cờ tập hợp lực lượng đấu tranh chống Pháp, không có khả năng lãnh đạo cách mạng?

A. Không đủ số lượng tham gia cách mạng.

B. Không đại biểu cho một phương thức sản xuất tiên tiến, không có hệ tư tưởng độc lập.

C. Không có đoàn kết trong nội bộ giai cấp và mâu thuẫn giai cấp đơn giản giải quyết đối với thực dân Pháp.

D. Không gắn kết, không có mối liên hệ ràng buộc đối với các giai cấp khác trong toàn dân tộc đối với sự nghiệp chung của đất nước.

Câu 164: Nguyên nhân thất bại của các phong trào Cần Vương, nông dân Yên thế, yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản, Đông kinh nghĩa Thục, Duy Tân, Việt Nam quốc dân Đảng là gì:

A. Không có đường lối đối nội và đối ngoại tốt, hiệu quả.

B. Bế tắc về đường lối chính trị, lỏng lẻo về tổ chức, không có cơ sở rộng rãi trong quần chúng.

C. Chia rẽ trong nội bộ, thiếu đoàn kết, thiếu liên hệ với bên ngoài, đặc biệt chưa có sự lãnh đạo của các lãnh tụ.

D. Dựa vào tư sản, dựa vào đế quốc, thực dân và hô hào – cải lương chứ không chiến đấu thực tế.

Câu 165: Giai cấp nông dân tuy là lực lượng đa số trong xã hội, chịu một cổ 2 tròng. Nhưng mặt khác, ......

A. Họ vừa là người dân mất nước, vừa là người được quyền lợi sau chương trình khai thác thuộc địa.

B. Họ vừa là người dân mất nước, vừa là giai cấp đấu tranh mạnh mẽ để giành ruộng đất, đồng thời sẵn sàng trở thành lực lượng công nhân hùng hậu.

C. Họ vừa là người dân mất nước, vừa là người bị áp bức, bóc lột nặng nề nên họ rất kiên quyết cách mạng.

D. Họ vừa là người dân mất nước, vừa là giai cấp tiên phong trở thành giai cấp công nhân, thực hiện cách mạng vô sản.

Câu 166: Nguyên nhân thất bại của các phong trào yêu nước trước khi có Đảng là bế tắc về đường lối chính trị, lỏng lẻo về tổ chức, không có cơ sở rộng rãi trong quần chúng. Do đó có thể nói......

A. Tương lai cách mạng đen tối như mực, không có đường ra, chẳng có lối thoát.

B. Tiền đồ cách mạng Việt Nam rơi vào khủng hoảng là điều không thể trảnh khỏi.

C. Tiền đồ cách mạng Việt Nam mất phương hướng, vô định và sẽ thất bại.

D. Tiền đồ cách mạng Việt Nam đen tối như không có đường ra.

Câu 167: Đảng Cộng Sản Việt Nam ra đời là bước ngoặt lịch sử vĩ đại của cách mạng Việt Nam. Từ đây cách mạng Việt nam đã có một đảng chân chính lãnh đạo, trở thành một bộ phận của cách mạng thế giới. Đồng thời, ......

A. Chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về đường lối, bế tắc về phương pháp cứu nước đưa cách mạng Việt Nam đến thắng lợi cuối cùng.

B. Cũng mở ra một kỷ nguyên mới – kỷ nguyên của dân chủ, của công bằng và của nhân văn.

C. Tiến đến một giai đoạn mới – giai đoạn phát triển chủ nghĩa xã hội, đi lên chủ nghĩa Cộng sản.

D. Khép lại ký ức lịch sử bảo thủ, hèn yếu, kém cỏi của địa chủ phong kiến, tay sai.

Câu 168: Tờ báo Thanh Niên của Hội Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội ra số đầu tiên vào thời gian nào?

A. 21/06/1925.

B. 22/06/1925.

C. 23/06/1925.

D. 24/06/1925.

Câu 169: Ngày 17 tháng 6 năm 1929 là mốc thời gian đánh dấu tổ chức cộng sản nào được thành lập?

A. Đông Dương Cộng Sản Liên Đoàn.

B. Đông Dương Cộng Sản Đảng.

C. An Nam Cộng Sản Đảng.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu 170: Trước năm 1930, ba tổ chức Cộng sản tồn tại ở Việt Nam được thể hiện như thế nào?

A. Chia rẽ, mâu thuẫn, tạo điểm yếu để thực dân đàn áp.

B. Đoàn kết, liên hệ với nhau chặt chẽ, cùng đề ra mục tiêu và hành động.

C. Tuy có đoàn kết, nhưng vẫn chưa tìm được điểm chung trong các phong trào cụ thể, hành động cụ thể.

D. Đấu tranh chống lại nhau, từng bộ phận lần lượt cấu kết với thực dân để đàn áp tổ chức còn lại.

Câu 171: Tất cả tổ chức chính trị ra đời đều tuân thủ một số quy luật nhất định, vậy Đảng Cộng Sản Việt Nam ra đời theo quy luật nào?

A. Là kết quả của sự kết hợp nhuần nhuyễn, chặt chẽ giữa quá khứ, hiện tại và tương lai.

B. Là kết quả của sự kết hợp chặt chẽ giữa chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Phong trào công nhân Việt Nam.

C. Là kết quả của sự kết hợp chặt chẽ chủ nghĩa Mác – Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam.

D. Là kết quả của sự kết hợp những bài học kinh nghiệm của các phong trào đấu tranh trước 1930, đặc biệt là các bài học xuất phát tự sự tồn tại của các tổ chức Cộng sản.

Câu 172: “Bất cứ ở đâu, trên thế giới chỉ có 2 loại người : bóc lột và bị bóc”. Nhận định này là của ai?

A. C.Mác

B. Ph.Ăngghen.

C. V.I.Lênin.

D. Hồ Chí Minh.

Câu 173: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác là....”. Hãy điền cụm từ còn thiếu vào chỗ trống?

A. Cách mạng vô sản.

B. Cách mạng nông dân.

C. Cách mạng tư sản.

D. Cách mạng toàn dân.

Câu 174: Hồ Chí Minh đọc bản “Sơ thảo lần thứ nhất Luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa” vào thời gian nào?

A. Tháng 7/1918.

B. Tháng 7/1919.

C. Tháng 7/1920.

D. Tháng 7/1921.

Câu 175: Hồ Chí Minh thành lập tổ chức “Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội” vào thời gian nào?

A. 6/1923.

B. 6/1925.

C. 6/1927.

D. 6/1929.

Câu 176: Cuốn “Đường kách mệnh” của Hồ Chí Minh xuất bản năm nào?

A. 1927.

B. 1928.

C. 1929.

D. 1930.

Câu 177: Quan điểm nào sau đây KHÔNG phải là của Hồ Chí Minh?

A. Đảng phải thực sự gắn bó với dân, lấy dân làm gốc.

B. Đảng phải thẳng thắn phê bình, tự giác nhận lỗi, không để cho dân đói, dân rét, dân nghèo và đặc biệt khi có lỗi với dân thì tự giác viết đơn nghỉ việc và nhận trách nhiệm.

C. Cách mạng muốn thành công phải có Đảng – đó là nhân tố quyết định vì vậy Đảng phải là đảng của giai cấp đồng thời là đảng của dân tộc.

D. Đảng phải được thường xuyên xây dựng và củng cố trong sạch, vững mạnh toàn diện, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân

Câu 178: Giai cấp tư sản Việt Nam có số ít là tư sản mại bản có quyền lợi kinh tế chính trị gắn liền với đế quốc thực dân; phần lớn còn lại là ......

A. Tư sản dân tộc.

B. Địa chủ phong kiến.

C. Nông dân yêu nước.

D. Công nhân cách mạng.

Câu 179: Hội nghị lần thứ mấy của Ban Chấp hành Trung ương khoá IX đã quyết định triển khai chỉ đạo điểm cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" trong cán bộ, đảng viên và nhân dân?

A. Lần thứ 10.

B. Lần thứ 11.

C. Lần thứ 12.

D. Lần thứ 13.

Câu 180: Chủ tịch Hồ Chí Minh sinh ngày 19/5/1890 trong một ….., nguồn gốc nông dân ở ……., huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, nơi có truyền thống đấu tranh kiên cường chống ách thống trị nặng nề của ……. Hãy lựa chọn phương án phù hợp sau để hoàn thành đúng thứ tự các thông tin:

A. Gia đình trí thức yêu nước; Làng Sen; Thực dân phong kiến.

B. Gia đình nhà Nho yêu nước; Làng Hoàng Trù; Thực dân đế quốc.

C. Gia đình nhà nông yêu nước; Làng Kim Liên; Thực dân phong kiến.

D. Gia đình trí thức yêu nước; Làng Kim Liên; Thực dân phong kiến.

Câu 181: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ mấy của Đảng chính thức ghi vào Cương lĩnh và Điều lệ Đảng: "Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động..."

A. VII.

B. VIII.

C. IX.

D. X.

Câu 182: Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm đường cứu nước vào lúc chủ nghĩa tư bản đang tồn tại như thế nào ?

A. Còn non trẻ.

B. Vừa lật đổ chế độ phong kiến.

C. Đã trở thành chủ nghĩa đế quốc.

D. Rất gắn kết giữa các nước tư bản với nhau.

Câu 183: Trong quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, giai đoạn từ năm 1911-1920 là giai đoạn thể hiện nội dung nào sau đây :

A. Hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cách mạng.

B. Tìm tòi khảo nghiệm và đến với chủ nghĩa Mác – Lênin.

C.Hình thành cơ bản tư tưởng về con đường cách mạng Việt Nam.

D. Vượt qua thử thách kiên trì con đường đã chọn cho cách mạng Việt Nam.

Câu 184: Chọn phương án hợp lý nhất để điền vào chỗ trống: “ Tö töôûng Hồ Chí Minh laø moät heä thoáng quan ñieåm …….. veà nhöõng vaán ñeà cô baûn cuûa caùch maïng Vieät Nam, laø keát quaû cuûa söï vaän duïng vaø phaùt trieån ….. chuû nghóa Maùc – Leânin vaøo ñieàu kieän …… cuûa nöôùc ta, keá thöøa vaø phaùt trieån caùc giaù trò truyeàn thoáng toát ñeïp cuûa daân toäc, tieáp thu tinh hoa vaên hoùa nhaân loïai”.

A. Tổng hợp; hợp lý; lịch sử .

B. Khách quan; tích cực; thực tế.

C. Toàn diện và sâu sắc; sáng tạo; cụ thể.

D. Phát triển và vận động; tích cực ; cụ thể.

Câu 185: Tư tưởng về chí công vô tư được thể hiện rõ nét nhất trong nội dung nào của hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh?

A. Tư tưởng về đạo đức cách mạng.

B. Tư tưởng về quyền làm chủ của nhân dân.

C. Tư tưởng về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

D. Tư tưởng về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau.

Câu 186: Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, trung với nước, hiếu với dân là gì ?

A. Xây dựng khối đoàn kết quốc tế.

B. Đấu tranh giải phóng con người một cách triệt để.

C. Suốt đời phấn đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội.

D. Luôn luôn tôn trọng giữ gìn của công và của dân; không xâm phạm một đồng xu, hạt thóc của nhà nước, của nhân dân.

Câu 187: “Quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng” là tư tưởng thuộc nội dung nào sau đây:

A. Trung với nước, hiếu với dân.

B. Hết lòng yêu thương con người.

C. Có tinh thần quốc tế trong sáng.

D. Thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư.

Câu 188: Có mấy nguyên tắc xây dựng và rèn luyện đạo đức cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5 Câu 189: Một trong những quan điểm của Hồ Chí Minh khẳng định: Muốn cách mạng thành công phải có...

A. Sự tham gia kháng chiến của quần chúng nhân dân.

B. Sự lãnh đạo của Đảng cách mạng theo Chủ nghĩa Mác – Lênin.

C. Sự đoàn kết của toàn đảng, toàn dân, toàn quân ta, đặc biệt là sự đoàn kết của tất cả đồng bào, cả tôn giáo và không tôn giáo.

D. Sự đoàn kết của toàn dân, toàn Đảng kết hợp với sự ủng hộ của đồng bào người Việt ở nước ngoài và bạn bè quốc tế, đặc biệt là các Đảng Cộng sản trên thế giới.

Câu 190: Yếu tố nào sau đây KHÔNG góp phần trực tiếp hình thành Tư tưởng Hồ Chí Minh ?

A. Truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

B. Tinh hoa văn hóa nhân loại.

C. Chủ nghĩa Mác – Lênin.

D. Phẩm chất cá nhân người thân Hồ Chí Minh.

Câu 191: Học tập và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta. Học tập tư tưởng Hồ Chí Minh là học tập……

A. Lý luận cách mạng Việt Nam.

B. Đường lối cách mạng Việt Nam.

C. Quan điểm cách mạng Việt Nam.

D. Quốc sách cách mạng Việt Nam.

Câu 192: Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: “Phải lấy kết quả thiết thực đã góp sức bao nhiêu cho sản xuất và lãnh đạo sản xuất mà đo ý chí cách mạng của mình. Hãy kiên quyết …….lối làm việc không nhằm mục đích nâng cao sản xuất". Hãy điền cụm từ còn thiếu vào chỗ trống trong các trường hợp sau:

A.Chống bệnh thành tích, thói cá nhân chủ nghĩa.

B. Chống bệnh khoe khoang, thói vô kỷ luật.

C. Chống bệnh nói suông, thói phô trương hình thức.

D. Chống bệnh quan liêu, thói hách dịch, cửa quyền.

Câu 193: Tư tưởng về tình yêu thương con người ở tư tưởng Hồ Chí Minh được thể hiện ở khía cạnh nào sau đây:

A. Yêu thương con người là một tình cảm rộng lớn, là dành cho người cùng khổ, những người lao động bị áp bức bóc lột.

B. Yêu thương con người thể hiện trong mối quan hệ bạn bè, đồng chí và mọi người trong sinh hoạt thường ngày, nghiêm khắc với mình, độ lượng với người khác, phải có thái độ tôn trọng con người.

C. Được thể hiện đối với những người có sai lầm khuyết điểm nhưng đã nhận rõ khuyết điểm sai lầm và cố gắng sửa chữa, kể cả những người lầm đường lạc lối đã hối cải, kể cả đối với kẻ thù đã bị thương, bị bắt hoặc đã quy hàng.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu 194: Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, "Muôn việc thành công hoặc thất bại, đều do …. tốt hoặc kém”. Hãy điền từ còn thiếu vào chỗ trống theo các phương án sau:

A. Cán bộ.

B. Lãnh đạo.

C. Quản lý.

D. Đạo đức.

Câu 195: Lời dặn sau của Hồ Chí Minh: "Bất kỳ việc gì, chúng ta phải bắt đầu từ gốc, dần dần đến ngọn, từ ít đến nhiều, từ hẹp đến rộng, chớ nên tham mau, tham nhiều trong một lúc". Người đang nói đến điều gì?

A. Mối quan hệ giữa cách mạng với quần chúng nhân dân.

B. Mối quan hệ giữa chính sách, quan điểm và cách thực hiện chúng.

C. Mối quan hệ giữa lao động sản xuất và thực hành tiết kiệm trong nhân dân.

D. Mối quan hệ giữa đào tạo thế hệ trẻ - thế hệ tương lai của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Câu 196:Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, sức hấp dẫn của chủ nghĩa xã hội là gì?

A. Lý tưởng về một xã hội không có áp bức, không có chiến tranh, không có chủ nghĩa tư bản.

B. Sự cống hiến, sự chiến đấu và hy sinh cho lý tưởng cộng sản trở thành hiện thực ở đời sống nhân dân.

C. Sự đoàn kết của các nước theo phe xã hội chủ nghĩa - cùng chung kẻ thù là chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân.

D. Lý tưởng về một xã hội, một nền chính trị ở đó người dân được sống, được cống hiến, được sáng tạo, được tự do, hòa bình, bình đẳng và dân chủ.

Câu 197: Muốn có phương thức sản xuất chủ nghĩa xã hội, hình thái kinh tế - xã hội chủ nghĩa thì chúng ta cần:

A. Xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật tương ứng.

B. Xây dựng cơ sở kinh tế, chính trị và xã hội giàu mạnh.

C. Xây dựng cơ sở tồn tại xã hội giàu mạnh và công bằng.

D. Xây dựng cơ sở kiến trúc thượng tầng chất lượng và hoàn thiện.

Câu 198: Phải kiên quyết chống các loại bệnh “nội xâm” và đưa ra khỏi Đảng những phần tử thoái hóa biến chất. Từ đó.....

A. Để mỗi cán bộ đảng viên của đảng có trách nhiệm, có nghĩa vụ hơn.

B. Để mỗi cán bộ đảng viên của đảng vừa hồng lại vừa chuyên.

C. Để mỗi cán bộ phê bình và tự phê bình mình nhiều hơn nữa.

D. Để mỗi cán bộ đảng viên của đảng thấy được lòng tự trọng và đạo đức, nhân văn của bản chất chủ nghĩa xã hội.

Câu 199: Sinh ra và lớn lên trong một nước thuộc địa ½ phong kiến; kinh tế nông nghiệp lạc hậu, phần lớn đảng viên của Đảng xuất thân từ giai cấp nông dân, luôn bị kẻ thù đàn áp dã man. Do đó,....…

A. Để giữ vững sự lãnh đạo của Đảng, chân lý của thành công trong Đảng là thực hiện dân chủ.

B. Để giữ vững sự lãnh đạo của Đảng, triết lý của thắng lợi đối với Đảng là biết lắng nghe sự phê bình của dân.

C. Để giữ vững sự lãnh đạo của Đảng, bí quyết thành công của Đảng chính là luôn giữ vững bản chất giai cấp công nhân; luôn là ngọn cờ tiền phong trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

D. Để mãi mãi giữ vững sự lãnh đạo của Đảng, phương châm của mọi thắng lợi là tiêu diệt tận gốc các thế lực phản động, thực hiện “diễn biến hòa bình”, “bạo loạn lật đổ”.

Câu 200: Vấn đề “Tam nông” là vấn đề gì?

A. Nông nghiệp, nông thôn, nông dân.

B. Nông nghiệp, nông lâm, nông thôn.

C. Nông nghiệp, nông sản, nông dân.

D. Nông thôn, nông dân, nông sản.

Câu 201: Nước ta có mấy vùng kinh tế trọng điểm?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

Câu 202: Nghị quyết TW 2 khóa mấy đã vạch định hướng cho sự phát triển thị trường khoa học và công nghệ và coi đây là một trong tám giải pháp cơ bản để thúc đẩy nhanh hơn sự phát triển KH&CN nước nhà, tạo môi trường để KH&CN gắn với sản xuất, kinh doanh, với phát triển kinh tế?

A. Khóa VI.

B. Khóa VII.

C. Khóa VIII.

D. Khóa IX.

Câu 203: Xác định được tầm quan trọng của kinh tế biển, tại Hội nghị lần thứ 4, BCH Trung ương Đảng ........ đã triển khai xây dựng Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, trong đó nhấn mạnh: “Phấn đấu đến năm 2020, kinh tế biển và ven biển đóng góp khoảng 53%-55% tổng GDP của cả nước”. Hãy lựa chọn phương án phù hợp để điền vào chỗ trống?

A. Khóa VIII.

B. Khóa IX.

C. Khóa X.

D. Khóa XI.

Câu 204: Phương án nào phản ánh nhiệm vụ của Đảng ta trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước:

A. Luôn giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng.

B. Có đường lối và phương pháp cách mạng đúng, phù hợp với quy luật và thực tiễn Việt Nam.

C. Thường xuyên củng cố tăng cường mối liên hệ giữa đảng với quần chúng, xây dựng đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu 205: Đặc điểm lớn nhất của nước ta trong thời kỳ quá độ là gì?

A.Thực hiện quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

B. Chế độ chính trị, kinh tế, xã hội ổn định, quốc phòng an ninh được giữ vững, quan hệ đối ngoại ngày càng mở rộng.

C. Từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, không qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa.

D. Chưa thực hiện tốt việc kết hợp tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội, chống ô nhiễm môi trường. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm, thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế còn hạn chế.

Câu 206: “Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là một kiểu tổ chức kinh tế vừa tuân theo những quy luật của kinh tế thị trường vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội, thể hiện trên cả ba mặt: sở hữu, tổ chức quản lý, và phân phối…”. Quan điểm đó được đưa ra tại Đại hội nào?

A. Đại hội VIII.

B. Đại hội IX.

C. Đại hội X.

D. Đại hội XI.

Câu 207: Những nguy cơ, thách thức như: Tụt hậu về kinh tế, chệch hướng về chủ nghĩa xã hội, nạn tham nhũng và quan liêu, “diễn biến hòa bình”… được Đảng ta nhận định trong Văn kiện:

A. Văn kiện Đại hội VII.

B. Văn kiện Đại hội VIII.

C. Văn kiện Đại hội IX.

D. Văn kiện Đại hội X.

Câu 208: Mô hình kinh tế trong thời kỳ quá độ ở nước ta là:

A. Kinh tế thị trường định hướng XHCN.

B. Kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước.

C. Kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng XHCN.

D. Kinh tế hàng hóa nhiều thành phần có sự quản lý của nhà nước.

Câu 209: Trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần ở Việt Nam tồn tại bao nhiêu hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất?

A. 3

B. 4

C. 5

D. 6

Câu 210: Sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất ở nước ta được biểu hiện dưới hình thức:

A. Cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân, hộ gia đình.

B. Hợp tác xã, tư bản tư nhân, cá thể, tiểu chủ.

C. Vốn đầu tư nước ngoài, tư bản nhà nước.

D. Cả a, b và c đều sai.

Câu 211: Sở hữu toàn dân về tư liệu sản xuất còn được gọi là:

A. Sở hữu tập thể

B. Sở hữu nhà nước

C. Cả a, b đều đúng

D. Cả a, b đều sai

Câu 212: Thành phần kinh tế nhà nước ở Việt Nam được hình thành trên loại hình sở hữu về tư liệu sản xuất nào?

A. Sở hữu toàn dân

B. Sở hữu tập thể

C. Sở hữu tư nhân

D. Cả a, b, c

Câu 213: Thành phần kinh tế nhà nước hiện nay ở nước ta bao gồm:

A. DNNN, các tổ chức kinh tế của nhà nước.

B. Tài sản thuộc sở hữu toàn dân.

C. Quỹ dự trữ quốc gia, quỹ bảo hiểm nhà nước.

D. Cả a, b và c

Câu 214: Thị trường tài chính của nước ta hiện nay có nhiều vấn đề phức tạp, đặc biệt là sự xuất hiện một số hiện tượng có tham vọng thâu tóm ngân hàng, hiện tượng này có ảnh hưởng gì đến ổn định cho đất nước?

A. Cực kỳ nguy hiểm.

B. Đây là nguồn gốc sâu xa của khủng hoảng tài chính.

C. Làm mất ổn định sự phát triển của nền kinh tế, đặc biệt là sự tụt hậu về kinh tế.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu 215: Ai đã khẳng định: “Nói kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có nghĩa đây không phải là kinh tế thị trường tự do theo kiểu tư bản chủ nghĩa, cũng không phải là kinh tế bao cấp, quản lý theo kiểu tập trung quan liêu và cũng chưa hoàn toàn là kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, bởi vì Việt Nam đang ở trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vừa có vừa chưa có đầy đủ các yếu tố của chủ nghĩa xã hội”.

A. Hồ Chí Minh.

B. Trần Đức Lương.

C. Trương Tấn Sang.

D. Nguyễn Phú Trọng.

Câu 216: Giải quyết các vấn đề toàn cầu hiện nay cần phải có:

A. Hợp tác song phương.

B. Hợp tác của các nước phát triển.

C. Hợp tác của các nước đang phát triển.

D. Sự hợp tác đa phương.

Câu 217: Nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta có vai trò như thế nào đối với sự phát triển kinh tế - xã hội?

A. Cho phép khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực.

B. Phát triển lực lượng sản xuất, tăng năng suất lao động và hiệu quả kinh tế.

C. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

D. Cả a, b và c

Câu 218: Văn hóa có bao nhiêu chức năng cơ bản ?

a. 2

b. 3

c. 4

d. 5

Câu 219: Như thế nào là một nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc?

a. Gồm những giá trị bền vững, những tinh hoa của cộng đồngcác dân tộc Việt Nam đó

b.Giữ gìn bản sắc dân tộc đi đôi với chống lạc hậu, lỗi thời hủ tục, tập quán cũ.

c. a và b đều đúng

d. a và b đều sai

Câu 220: Xây dựng chiến lược quốc gia về nâng cao sức khỏe, tầm vóc con người là?

a. Tăng tuổi thọ, cải thiện chất lượng giống nòi

b. Tăng chiều cao và cân nặng con người Việt Nam

c. Tăng hệ số thông minh, tuổi thọ

d. Tăng sức khỏe của thanh thiếu niên

Câu 221: Đảng và nhà nước ta coi chính sách dân số là?

a. Quan trọng

b. Then chốt

c. Quốc sách

d. Thiết yếu

Câu 222: Đề cương văn hóa Việt Nam của Đảng ta được đề ra vào thời gian nào?

a. 1942

b. 1943

c. 1944

d. 1945

Câu 223: Nghị quyết trung ương 5 khóa VIII chủ trương “về xây dựng vừ phát triển nền văn hóa Việt Nam tiến tiến đậm đà bản sắc dân tộc” được đề ra vào năm nào?

a. 1996

b. 1997

c. 1998

d. 1999

Câu 224: Văn hóa bao gồm các giá trị chung nào do con người sáng tạo và tích lũy?

a. Vật chất và tinh thần

b. Vật thể và phi vật thể

c. Cộng đồng và làng xã

d. Nông nghiệp và du mục

Câu 225: Chủ trương phát triển hệ thống y tế công bằng và hiệu quả là hướng đến?

a. Đảm bảo xây dưng một hệ thống cơ sở vật chất về y tế hiện đại

b. Đảm bảo mọi người dân được chăm sóc và bảo vệ sức khỏe

c. Đảm bảo về đội ngũ y, bác sỹ được đào tạo chuyên nghiệp trong và ngoài nươc

d. Đảm bảo tính xã hội hóa trong dịch vụ y tế hiện hành.

Câu 226: Nền văn hóa Việt Nam được hình thành trên cở sở đặc trưng văn hóa tổng hợp các dân tộc Việt Nam nên có tính chất gì?

a. Thống nhất trong đa dạng

b. Cổ truyền và hiện đại

c. Nông nghiệp và công nghiệp

d. Tổng hợp và đa dạng

Câu 227: Để bảo vệ và phát huy truyền thống văn hóa của dân tộc cần phải?

a. Bảo vệ các di sản và giá trị văn hóa truyền thống

b. Giao lưu và tiếp biến văn hóa

c. Chống văn hóa phẩm độc hại

d. Có sự tiếp thu tinh hoa văn hóa trên thế giới

Câu 228: Chức năng giáo dục của văn hóa thể hiện?

a. Nhận thức, tư tưởng, tình cảm và hành động.

b. Hướng con người tới cái đẹp, cái chân -thiện - mỹ.

c. Góp phần hoàn thiện con người

d. Dự báo tương lai phát triển.

Câu 229: Đường lối xây dựng và phát triển văn hóa của Đảng hiện nay là?

a. Tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc

d. Dân tộc khoa học và đại chúng

c. Đa dạng hóa về bản sắc, phát triển các giá trị văn hóa truyền thống

d. Tiếp thu có chon lọc tinh hoa văn hóa nhân loại

Câu 230: Thực hiện các chính sách xã hội vì con người Đảng chủ trương?

a. Phát triển kinh tế gắn liền với công bằng xã hội

b. Chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho nhân dân

c. Ưu tiên phát triển cho vùng đồng bào thiểu số

d. Thực hiện xây dựng chính sách toàn diện về giải quyết các vấn đề xã hội

Câu 231: Kết hợp mục tiêu kinh tế với mục tiêu xã hội được tiến hành?

a. Trên phạm vi cả nước ,ở từng lĩnh vực từng địa phương

b. Trên phạm vi từng nghành, từng chức năng, từng địa điểm

c. Trên phạm vi trong nước và quốc tê

d. Trên phạm vị của các tỉnh, thành phố, bộ ngành.

Câu 232: Khuyến khích mọi người làm giàu theo pháp luật là ?

a. Khắc phục tư tưởng bao cấp ỷ lại

b. khắc phục tính thụ động, hưởng thụ

c. Phát huy tổng hợp các nguồn lực

d. phát huy trí tuệ con người Việt Nam.

Câu 233: Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của?

a. Toàn dân do Đảng lãnh đạo

b. Ngành văn hóa do Đảng lãnh đạo

c. Bộ Văn hóa do Đảng lãnh đạo

d. Nhà nước do Đảng lãnh đạo

Câu 234: Điền từ còn thiếu trong câu nói của chủ tịch Hồ Chí Minh: “Vì lẽ sống sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, nghệ thuật. Những công cụ sinh hoạt hàng ngày về ăn, mặc, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó là ……..”

a. Văn minh

b. Văn hiến

c. Văn vật

d. Văn hóa

Câu 235: Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống chính sách bản đảm cung ứng dịch vụ công công thiết yếu nhằm?

a. Đáp ứng nhu cầu phát triển cho đất nước

b. Đảm bảo tính công bằng và bình đẳng cho mọi người dân

c. Đáp ứng nhu cầu hội nhập khu vực và quốc tế

d. Đáp ứng nhu cầu và nguyện vọng của mọi tầng lớp nhân dân.

Câu 236: Một trong những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội là “có nền văn hóa…,đậm đà bản sắc dân tộc”. Điền từ còn thiếu vào chổ trống?

a. Tiên tiến

b. Phát triển

c. Tiến bộ

d. Cổ truyền

Câu 237: Quân đội nhân dân Việt Nam thành lập vào:

a. Ngày 19 tháng 12 năm 1946

b. Ngày 19 tháng 12 năm 1944

c. Ngày 22 tháng 12 năm 1944

d. Ngày 22 tháng 12 năm 1946

Câu 238: Sức mạnh để bảo vệ tổ quốc là?

a. Nôi lực và ngoại lực

b. Của khối đại đoàn kết dân tộc, cả hệ thống chính trị

c. Của toàn Đảng , toàn dân, toàn quân.

d. Sức mạnh của lức lượng chính trị và vũ trang

Câu 239: Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch đang âm mưu chống phá Việt Nam bằng chiến lược nào?

a. Bao vây cấm vận

b. Chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc

c. Diễn biến hòa bình và bạo loạn lật đổ

d. Dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực

Câu 240: Bảo vệ tổ quốc được xem là nhiệm vụ như thế nào đối với cách mạng Việt Nam?

a. Quan trọng

b. Chiến lược

c. Sách lược

d. Then chốt

Câu 241: Một trong những nhiệm vụ của quốc phòng an ninh hiện nay là?

a. Làm thất bại mọi âm mưu chống phá của các thế lực thù địch

b. Tiêu diệt các thế lực thù địch chống phá nước ta

c. Chủ động trong quốc phòng và an ninh

d. Xây dựng một lực lượng quân sự mạnh và hiện đại

Câu 242: Để động viên chiến đấu bảo vệ tổ quốc Hồ Chí Minh đã từng nói: “ Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải……” điền từ còn thiếu vào câu nói trên?

a. Đánh giặc giữ nước

b. Cùng nhau giữ lấy nước

c. Đoàn kết giữ nước

d. Đồng lòng giữ nước

Câu 243: Cơ sở chính trị -xã hội vững chắc cho quốc phòng và an ninh thì cán bộ, đảng viên và nhân dân phải?

a. Chấp hành đúng pháp luật

b. Vững vàng về chính trị tư tưởng

c. Sẵn sàng tham gia bảo vệ tổ quốc

d. Tham gia trấn áp phản cách mạng

Câu 244: Trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc luôn phải ?

a. Nâng cao ý thức trách nhiệm và tinh thần cảnh giác

b. Xác định được kẻ thù và các thế lực thù địch

c. Chia rẽ nội bộ kẻ thù

d. Sẵn sàng chiến đấu để bảo vệ tổ quốc

Câu 245: Quan điểm cơ bản của Đảng về quốc phòng an ninh là?

a. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh toàn diện

b. Xây dựng quân đội và công an chính quy tinh nhuệ và hiện đại

c. Xây dựng hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại trong quốc phòng va an ninh

d. Bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ , độc lập chủ quyền quốc gia.

Câu 246: Nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc hiện nay là ?

a. Bảo vệ Đảng nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, an ninh chính trị, kinh tế, tư tưởng

b. Bảo vệ vùng lục địa, vùng trời, vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia

c. Bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ chống âm mưu diễn biến hòa bình bạo loạn lật đỗ

d. Bảo về thành quả cách mạng và chế độ chính trị xã hội.

Câu 247: Trong sự kết hợp phát triển kinh tế xã hội và an ninh quốc phòng cần phải là?

a. Xây dựng lượng vũ trang lơn mạnh

b. Đẩy mạnh phát triển kinh tế để tăng cường tiềm lực quốc phòng

c. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh thành phố

d. Xây dựng phát triển lực lượng ba thứ quân tinh nhuệ hiện đại thực hiện bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

Câu 248: Giải quyết các vấn đề toàn cầu hiện nay cần phải có:

a. Hợp tác song phương.

b. Hợp tác của các nước phát triển.

c. Hợp tác của các nước đang phát triển.

d. Sự hợp tác đa phương.

Câu 249: Ở Việt Nam hiện nay có mấy tôn giáo lớn?

a. 4

b. 5

c. 6

d. 7

Câu 250: Việt Nam hiện nay có bao nhiêu dân tộc?

a. 52

b. 53

c. 54

d. 55

Câu 251: Dân tộc nào ở nước ta chiếm thành phần dân số đông đảo nhất?

a. Mường

b. Hoa

c. Kinh(Việt)

d. Khơ me

Câu 252: Bộ chính trị ra nghị quyết 24 về công tác tôn giáo, xác định tôn giáo là vấn đề lâu dài, tôn giáo là một nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân được đưa ra vào thời gian nào?

a. 1989

b. 1990

c. 1991

d. 1992.

Câu 253: Hoạt động tôn giáo hiện nay vẫn còn phức tạp với những biểu hiện nào?

a. Đa dạng về tín ngưỡng tôn giáo

b. Tổ chức truyền đạo trái phép, hành nghề mê tín dị đoan, kích động, chống đối

c. a và b đều đúng

d. a và b đều sai.

Câu 254: Tôn giáo nào xuất hiện sớm nhất trong lịch sử nước ta?

a. Đạo cao đài

b. Đạo Hòa hảo

c. Đạo Phật

d. Đạo thiên chúa

 Câu 255: Quan điểm nào sau đây đúng theo chủ nghĩa duy vật biện chứng?

a. Tôn giáo tạo ra con người

b. Tôn giáo là nhu cầu không thể thiếu của con người

c. Con người tạo ra tôn giáo

d. Con người không cần đến tôn giáo.

Câu 256: Để nêu cao tinh thần đoàn kết, chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra khẩu hiệu gì?

a. “Đoàn kết là sức mạnh”

b. “ Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công thành công đại thành công”

c. “Bốn phương vô sản đều là anh em”

d. “Đại đoàn kết toàn dân”

Câu 257: Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể nhân dân có vai trò như thế nào trong việc tập hợp vận động và đoàn kết rộng rãi và các tập thể nhân dân?

a. Quan trọng

b. Cần thiết

c. Then chốt

d. Định hướng

Câu 258: Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kêu gọi thực hiện chính sách nào về tôn giáo?

a. “Tín ngưỡng là nhu cầu cần thiết”

b. “Tín ngưỡng tự do, lương giáo đoàn kết”

c. “Sống tốt đời đẹp đạo”

d. “Tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo”

Câu 259: Tôn giáo nào ở nước ta hiện nay có số lượng tín đồ đông nhất?

a. Hồi giáo

b. Phật giáo

c. Đạo Thiên chúa

d. Đạo Cao Đài

Câu 260: Tôn giáo nào là do người Việt sáng lập nên?

a. Đạo cao Đài và Hòa hảo

b. Đạo phật và đạo thiên chúa

c. Đạo tin lành và hồi giáo

d. Nho giáo và Đạo giáo

Câu 261: Chính sách tôn giáo của Đảng và nhà nước ta nhằm mục đích gì?

a. Hạn chế sự phát triển của tôn giáo

b. Phát triển tôn giáo

c. Làm cho tôn giáo hoạt động bình thường

d.Vừa phát triển vừa hạn chế

Câu 262: Chính sách nhất quán của nhà nước xã hội chủ nghĩa đối với tôn giáo là gì?

a. Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng của mọi công dân

b. Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do không tín ngưỡng của mọi công dân

c. Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của mọi công dân

d. Tôn trọng và cho phép mọi tôn giáo hoạt động

Câu 263: Để phát huy sức mạnh đoàn kết dân tộc Đại hội X đã đề ra “Nâng cao năng lực chiến đấu của Đảng, phát huy ………, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mơi, sớm đưa nươc ta ra khỏi tình trạng kém phát triển” điền từ còn thiếu vào đoạn văn trên?

a. Tính dân chủ

b. Tính đoàn kết

c. Sức mạnh đại đoàn kết dân tộc

d. Sức mạnh toàn Đảng, toàn dân, toàn quân.

Câu 264: Thực hiện đại đoàn kết dân tộc Đảng và nhà nước bảo đảm lợi ích chính đáng của?

a. Giai cấp công nhân

b. Nhân dân lao động

c. Mọi tầng lớp dân cư

d. Giai cấp tư sản.

Câu 265: Đối với trí thức trong phát huy đoàn kết dân tộc cần phải?

a. Phát huy dân chủ và trọng dụng nhân tài

b. Xây dựng hệ thống giáo dục để nâng cao dân trí

c. Chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho đội ngũ trí thức

d. Coi đầu tư cho giáo dục là đầu tư bền vững.

Câu 266: Chính sách tôn giáo cơ bản của Đảng ta hiện nay là:

a. Cho phép mọi tôn giáo hoạt động

b. Các tôn giáo được tự do truyền đạo và hành đạo

c. Cho phép thành lập các tôn giáo mới

d. Đảm bảo tự do tín ngưỡng, mọi tôn giáo hoạt động theo theo khuôn khổ và bình đẳng trước pháp luật

Câu 267: Theo quy định của pháp luật Việt Nam, việc truyền đạo và các hoạt động tôn giáo cần phải ?

a. Thực hiện tại nơi địa phận của các tôn giáo

b. Thực hiện tại nơi công cộng

c. Tuân thủ hiến pháp và pháp luật

d. Tuân thủ theo quy định của tôn giáo và giáo lý

Câu 268: Đối với thế hệ trẻ trong xây dựng đoàn kết dân tộc cần phải?

a. Chăm lo đến phát triển thể chất, trí tuệ

b. Thường xuyên giáo dục chính trị, truyền thống, lý tưởng đạo đức lối sống

c. Dạy nghề hướng nghiệp và tạo công ăn việc làm

d. Tăng cường giao lưu và hợp tác với thanh niên quốc tế.

Câu 269: Điền từ còn thiếu vào chỗ trống: Một trong những nội dung của chính sách tôn giáo ở nước ta hiện nay là tôn trọng, bảo đảm quyền tự do ….... và không ....... của nhân dân.

a. Tôn giáo – tôn giáo

b. Tín ngưỡng – tín ngưỡng

c. Tín ngưỡng – tôn giáo

d. Tôn giáo – tín ngưỡng

Câu 270: Các thế lực thù địch hiện nay lợi dụng vấn đề tôn giáo để làm gì?

a. Phá hoại đoàn kết dân tộc, chống đối chế độ

b. Lật đổ chế độ chủ nghĩa xã hội

c. Phá hoại an ninh kinh tế- xã hội

d. Thực hiện chia rẽ thù hận đòi độc lập ly khai

Câu 271: Điền từ còn thiếu vào chỗ trống : "Tôn giáo là một hình thái ý thức – xã hội phản ánh một cách hoang đường, hư ảo ............... khách quan. Qua sự phản ánh của tôn giáo, những sức mạnh tự phát trong tự nhiên và xã hội đều trở thành thần bí."

a. Thực tiễn

b. Hiện thực

c. Điều kiện.

d. Cuộc sống

Câu 272: Nguồn gốc hình thành nên tôn giáo là gì?

a. Xã hội, nhận thức, tâm lý

b. Do lực lượng siêu nhiên

c. Mối quan hệ giữa thần thánh và con người

d. Do niềm tin vào cái siêu nhiên.

Câu 273:Theo Ph. Ăng nghen đã có một nhận xét làm cho chúng ta thấy rõ bản chất của tôn giáo như sau: “Tất cả mọi tôn giáo chẳng qua chỉ là …….. – vào trong đầu óc của con người – của những lực lượng bên ngoài chi phối cuộc sống của họ, chỉ là sự phản ánh trong đó những lực lượng trần thế đã mang hình thức những lực lượng siêu trần thế.”.Điền từ còn thiếu vào đoạn văn trên?

a. Phản ánh hiện thực

b. Phản ánh khách quan

c. Sự phản ánh hư ảo

d. Sự phản ánh chọn lọc

Câu 274: Đảng ta xác định xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có bao nhiêu đặc trưng?

a. 4

b. 5

c. 6

d. 7

Câu 275: Một trong những yếu tố thúc đẩy xây dựng Nhà nước pháp quyền “là đẩy mạnh phòng chống ….”.Điền từ còn thiếu vào chổ trống?

a. Quan liêu

b. Tham nhũng

c. Hủ hóa

d. Suy thoái đạo đức

Câu 276: Văn bản nào có hiệu lực cao nhất trong hệ thống pháp luật Việt Nam?

a. Pháp lệnh

b. Luật

c. Hiến pháp

d. Nghị quyết

Câu 277: Điền từ thích hợp vào khoảng trống sau: Tham nhũng hiện nay là một trong bốn ............... của Việt Nam.

a. Bệnh

b. Nguy cơ

c. Trào lưu

d. Tư tưởng

Câu 278. Một trong những đặc điểm của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là gì?

a. Nhà nước của dân, do dân và vì dân.

b. Nhà nước của giai cấp thống trị

c. Nhà nước hoạt động theo ý chí của giai cấp

d. Nhà nước hoạt động không theo hiến pháp và pháp luật

Câu 279: Trong các cơ quan tư pháp, cơ quan nào biểu hiện quyền tập trung nhất?

a. Tòa án nhân dân

b. Viện kiểm sát nhân dân

c. Cơ quan điều tra

d. Tổ chức luật sư

Câu 280: Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân Việt Nam chuyển từ đấu tranh tự phát lên đấu tranh tự giác đươc đánh dấu bởi?

a. Phong trào đấu tranh công nhân Ba son

b. Phong trào đấu tranh của công nhân Sài gòn-Chợ lớn

c. Phong trào đấu tranh của công nhân Phú Riềng

d. Phong trào đấu tranh của công nhân dệt Nam Định

Câu 281: Giai cấp công nhân Việt Nam có sứ mệnh lịch sử to lớn là:

a. Lãnh đạo cách mạng; đại diện phương thức sản xuất tiên tiến tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xă hội; đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

b. Là giai cấp tiến tiến của lực lượng sản xuất; đại diện phương thức sản xuất tiên tiến tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội; đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

c. Là giai cấp đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến; tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội; đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

d. Là lực lượng – giai cấp đấu tranh với giai cấp tư sản trong thời đại hiện nay; tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ; đi đầu trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Câu 282: Một trong những biện pháp để xây dựng Nhà nước pháp quyền trong hệ thống chính trị là:

a. Hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ quan lập pháp

b. Xây dựng một bộ máy đàn áp hữu hiệu

c. Kêu gọi nhân dân chấp hành đúng pháp luật

d. Tham gia vào luật quốc tế và công ước của Liên Hợp Quốc

Câu 283: Xây dựng Nhà nước pháp quyền ở nước ta hiện nay phải xuất phát từ căn cứ cơ bản nào?

a. Nắm vững nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như cương lĩnh của Đảng về Nhà nước và pháp luật.

b. Xây dựng sự vững mạnh của hiến pháp và pháp luật

c. Tăng cường học tập kinh nghiệm về xây dựng nhà nước Pháp quyền trên thế giới

d. Xây dựng và phát triển dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Câu 284: Một trong những tiêu chuẩn xây dựng đội ngũ cán bộ công chức trong sạch có năng lực là?

a. Cần, kiệm, liêm, chính chí công vô tư, không tham nhũng và kiên quyết chống tham nhũng.

b. Có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, có lối sống lành mạnh và có sức khỏe tốt .

c. Có đạo đức trong sáng và tinh thần kỷ luật

 d. Luôn đi đầu trong chấp hành chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước.

Câu 285: Quan điểm đối ngoại “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa và chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế” , được đề ra tại đaị hội nào của Đảng?

a. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng

b. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng

c. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng

d. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng

Câu 286: Đảng ta xác định: “Tổ chức quyền lực của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện các quyền…..”

a. Tự do dân chủ

b. Lập pháp, hành pháp, tư pháp

c. Tập trung dân chủ

d. Con người

Câu 287: Tổ chức công đoàn Việt Nam ra đời được đánh dấu bằng sự kiện nào?

a. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

b. Thành lập Công hội đỏ Bắc kỳ

c. Thành lập Đảng cộng sản Đông Dương

d. Thành lập Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam

Câu 288. Sự phát triển giai cấp công nhân Việt Nam về số lượng đến trước chiến tranh thế giới thứ nhất đạt ...............?

a. Khoảng 10 vạn người

b. Khoảng 15 vạn người

c. Khoảng 20 vạn người

d. Khoảng 25 vạn người

Câu 289: Chương trình khai thác thuộc địa lần I của thực dân Pháp ở Việt Nam diễn ra trong giai đoạn nào?

a. 1897 – 1914

b. 1858 – 1897

c. 1914 – 1918

d. 1897 – 1918

Câu 290: Chương trình khai thác thuộc địa lần II của thực dân Pháp ở Việt Nam diễn ra trong giai đoạn nào?

a. 1919 – 1929

b. 1858 – 1897

c. 1914 – 1918

d. 1897 – 1918

Câu 291. Sự phát triển giai cấp công nhân Việt Nam về số lượng đến năm 1929 đạt?

a. 20 vạn người

b. 22 vạn người

c. 24 vạn người

d. 26 vạn người

Câu 292: Mặt trận tổ quốc Việt Nam có vai trò như thế nào trong xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa?

a. Phản biện xã hội

b. Cơ quan tham mưu

c. Điều chỉnh

d. Định hướng

Câu 293. Điền từ còn thiếu vào khái niệm sau: “Giai cấp công nhân là một lực lượng xã hội to lớn, đang phát triển, bao gồm những người lao động chân tay và trí óc làm công hưởng lương trong các loại hình sản xuất kinh doanh và dịch vụ ………., hoặc sản xuất kinh doanh và dịch vụ có tính chất ………..”

a. Công nghiệp

b. Thủ công nghiệp

c. Nông nghiệp

d. Sản xuất hàng hóa

Câu 294: Xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam lớn mạnh trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là nhiệm vụ:

a. Quan trọng và cấp bách

b. Chiến lược

c. Trọng tâm

d. Then chốt

Câu 295: Thực trạng của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay là:

a. Chưa đáp ứng được yêu cầu về số lượng, trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp trong sự nghiệp CNH – HĐH đất nước.

b. Đã đáp ứng được yêu cầu về số lượng, trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp trong sự nghiệp CNH – HĐH đất nước.

c. Bước đầu đã đáp ứng được yêu cầu về số lượng, trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp trong sự nghiệp CNH – HĐH đất nước.

d. Cả a và b đều đúng

Câu 296. Giai cấp công nhân là giai cấp tiên tiến nhất vì ?

a. Đại diện cho lực lượng đông đảo nhất và tiên tiến nhất

b. Lực lượng sản xuất tiến bộ, có trình độ xã hội hóa cao

c. Được trang bị chủ nghĩa Mác-Lênin trong đấu tranh cách mạng

d. Có liên minh giai cấp công-nông là động lực của cách mạng

Câu 297. Ngoài truyền thống tốt đẹp của dân tộc thì giai cấp công nhân Việt Nam còn có truyền thống tiêu biểu nào?

a. Trung tâm đoàn kết toàn dân tộc; Giữ vai trò lãnh đạo cách mạng; Giữ vững truyền thống độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội

b. Có truyền thống yêu nước kiên cường bất khuất trong đấu tranh cách mạng, đoàn kết, mang trong mình bản chất của giai cấp công nhân quốc tế.

c. Là giai cấp lãnh đạo cách mạng Việt Nam thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam, kiên định con đường độc lập dân tộc gắn với xã hội chủ nghĩa

d. Liên minh chặt chẽ với giai cấp nông dân, hình thành nên liên minh giai cấp công-nông trở thành động lực của cách mạng Việt Nam.

Câu 298: Xây dựng và phát triển giai cấp công nhân Việt Nam lớn mạnh là trách nhiệm của:

a. Cả hệ thống chính trị, toàn xã hội, người công nhân và của người sử dụng lao động.

b. Toàn Đảng, tòan dân và tòan quân ta.

c. Công đoàn Việt Nam.

d. Tất cả các đáp án trên đều đúng

Câu 299: Đặc điểm ra đời của giai cấp công nhân Việt Nam như thế nào?

a. Ra đời trước giai cấp tư sản dân tộc.

b. Phần lớn xuất thân từ nông dân.

c. Chịu 3 tầng áp bức bóc lột.

d. Cả a, b, và c đều đúng

Câu 300: Những nguy cơ, thách thức như: tụt hậu về kinh tế, chệch hướng về chủ nghĩa xã hội, nạn tham nhũng và quan liêu, “diễn biến hòa bình”… được Đảng ta nhận định trong Văn kiện của đại hội nào?

a. Đại hội VII.

b. Đại hội VIII.

c. Đại hội IX.

d. Đại hội X.

**ĐÁP ÁN**

1D 2A 3A 4D5B6D7D8C9A10C11A12A13B14B15A16B17A18B19C20A21D

22D23B24C25D26A27C28A29A30A31D32B33A34A35A36A37A

38D39A40C41A42C43C44C45A46A47B48C49A50A51D52C53D

54C55A56A57A58C59D60A61C62C63A64A65D66A67A68C69B

70A71C72C73C74D75A76A77D78A79A80D81A82B83D84C85B

86D87D88A89D90D9192B93D94A95B96A97B98C99D100B101C

102C103D104C105A106D107B108C109D110A111B112B113D

114B115B116A117B118A119D120C121B122A123B124C125B

126C127D128C129A130D131C132B133A134D135B136C137A

138C139A140B141D142A143B144B145B146C147C148D149D

150C151D152A153B154C155A156B157A158C159A160C161A

162D163B164B165C166D167A168A169B170A171C172D173A

174C175B176A177B178A179C180D181A182C183B184C185A

186C187D188B189B190D191A192C193D194A195B196B197A

198B199C200A201B202C203C204D205C206B207C208A209A

210A211B212A213D214D215D216D217D218C219C220A221C

222B223C224A225B226A227A228A229A230A231A232A233A

234D235B236A237C238B239C240B241A242B243B244A245A

246A247C248D249C250C251C252B253B254C255C256B257A

258B259B260A261C262C263C264C265A266D267C268B269B

270A271B272A273C274B275D276C277B278A279A280A281A

282A283A284A285C286B287B288A289A290A291B292A293A

294A295A296B297A298A299B300C